ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK1/2021-2022
HỆ ĐHCQ CLC THEO TT23

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1	16020132	Phạm Đình Hoàng	0	11,305,000	11,305,000	11,305,000	0
2	16020156	Lê Phong	0	5,985,000	5,985,000		5,985,000
3	16020160	Nguyễn Nhật Quân	0	3,325,000	3,325,000	3,500,000	-175,000
4	16020174	Nguyễn Hoài Thu	0	1,995,000	1,995,000	1,995,000	0
5	16020185	Lê Thành Vinh	0	1,330,000	1,330,000		1,330,000
6	16022305	Nguyễn Thái Dương	0	11,305,000	11,305,000	11,305,000	0
7	16020214	Bùi Văn Trí Dũng	0	9,975,000	9,975,000	9,975,000	0
8	16020246	Đào Tuấn Linh	0	665,000	665,000		665,000
9	16020249	Đào Xuân Lộc	0	14,630,000	14,630,000	14,630,000	0
10	16020258	Nguyễn Phạm Việt Nam	0	4,655,000	4,655,000		4,655,000
11	16020397	Nguyễn Thanh Lâm	0	9,975,000	9,975,000		9,975,000
12	16022404	Lưu Trường Giang	0	2,660,000	2,660,000	2,660,000	0
13	16022414	Nguyễn Xuân Nam	0	11,970,000	11,970,000	11,970,000	0
14	16022421	Nguyễn Quang Triệu	0	5,985,000	5,985,000	5,985,000	0
15	16022494	Nguyễn Chiến Thắng	0	3,325,000	3,325,000		3,325,000
16	17020052	Nguyễn Huy Hoàng	0	6,650,000	6,650,000	6,650,000	0
17	17021205	Nguyễn Công Tuấn Anh	0	1,995,000	1,995,000		1,995,000
18	17021207	Nguyễn Tuấn Anh	0	7,980,000	7,980,000	7,980,000	0
19	17021210	Trần Anh Bảo	0	6,650,000	6,650,000	6,650,000	0
20	17021217	Đặng Mạnh Dũng	0	3,990,000	3,990,000	3,990,000	0
21	17021218	Đoàn Đình Dũng	0	8,645,000	8,645,000	8,645,000	0
22	17021221	Nguyễn Thành Duy	0	10,640,000	10,640,000	10,640,000	0
23	17021222	Nguyễn Tuấn Duy	0	8,645,000	8,645,000	8,645,000	0
24	17021225	Trình Đức Duy	0	3,990,000	3,990,000	3,990,000	0
25	17021229	Vũ Trọng Dương	0	6,650,000	6,650,000	6,650,000	0
26	17021231	Đỗ Thành Đạt	0	1,995,000	1,995,000		1,995,000
27	17021240	Phạm Lê Minh Hải	0	8,645,000	8,645,000	8,645,000	0
28	17021241	Nguyễn Phương Hằng	0	6,650,000	6,650,000	6,650,000	0
29	17021244	Hoàng Văn Hiếu	0	5,985,000	5,985,000	5,985,000	0
30	17021254	Lê Đình Hoàng	0	6,650,000	6,650,000	6,650,000	0
31	17021255	Nguyễn Minh Hoàng	0	6,650,000	6,650,000	6,650,000	0
32	17021259	Nguyễn Mạnh Hùng	0	1,995,000	1,995,000	1,995,000	0
33	17021260	Nguyễn Quang Hùng	0	665,000	665,000	665,000	0
34	17021262	Nguyễn Quang Huy	0	3,990,000	3,990,000	3,990,000	0
35	17021264	Nguyễn Thái Huy	0	1,995,000	1,995,000	1,995,000	0
36	17021266	Nguyễn Xuân Huy	0	3,325,000	3,325,000	3,325,000	0
37	17021279	Lê Cao Tùng Lâm	0	5,985,000	5,985,000		5,985,000
38	17021285	Nguyễn Tuấn Linh	0	6,650,000	6,650,000		6,650,000

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
39	17021289	Võ Thúc Hoàng Long	0	4,655,000	4,655,000	4,655,000	0
40	17021292	Nguyễn Quỳnh Mai	0	6,650,000	6,650,000	6,650,000	0
41	17021295	Dương Hải Minh	0	9,310,000	9,310,000	9,310,000	0
42	17021298	Nguyễn Đình Nhật Minh	0	4,655,000	4,655,000	4,655,000	0
43	17021300	Nguyễn Ngọc Minh	0	1,995,000	1,995,000		1,995,000
44	17021302	Trần Tuấn Minh	0	4,655,000	4,655,000		4,655,000
45	17021306	Phạm Công Nam	0	1,995,000	1,995,000	1,995,000	0
46	17021307	Phạm Đình Nam	0	18,240,000	18,240,000		18,240,000
47	17021309	Trần Hải Nam	0	4,655,000	4,655,000	4,655,000	0
48	17021312	Phạm Đắc Ngọc Nhật	0	7,980,000	7,980,000	7,980,000	0
49	17021328	Dương Hoàng Sơn	0	7,980,000	7,980,000	7,980,000	0
50	17021331	Trần Lê Hoàng Sơn	0	14,250,000	14,250,000		14,250,000
51	17021334	Nguyễn Duy Thái	0	1,995,000	1,995,000	1,995,000	0
52	17021335	Nguyễn Chí Thành	0	8,645,000	8,645,000	8,645,000	0
53	17021340	Thiều Minh Thịnh	0	1,995,000	1,995,000	1,995,000	0
54	17021341	Lê Trung Thông	0	3,990,000	3,990,000		3,990,000
55	17021344	Trần Việt Tiến	0	6,650,000	6,650,000	6,650,000	0
56	17021354	Nguyễn Sĩ Tùng	0	1,995,000	1,995,000	1,995,000	0
57	17020489	Bùi Đức Chiến	0	10,640,000	10,640,000	3,990,000	6,650,000
58	17020490	Nghiêm Mạnh Cường	0	1,995,000	1,995,000	1,995,000	0
59	17020498	Nguyễn Xuân Đức	0	3,990,000	3,990,000	3,990,000	0
60	17020499	Phạm Minh Đức	-1,400,000	3,990,000	2,590,000		2,590,000
61	17020506	Lê Chí Hiếu	0	3,990,000	3,990,000	3,990,000	0
62	17020509	Nguyễn Lê Hoàng	0	10,640,000	10,640,000		10,640,000
63	17020510	Tống Trần Hoàng	0	1,330,000	1,330,000	1,330,000	0
64	17020526	Nguyễn Thị Lý	0	14,250,000	14,250,000	14,250,000	0
65	17020527	Nguyễn Xuân Mạnh	0	9,975,000	9,975,000	3,325,000	6,650,000
66	17020528	Bùi Đức Minh	0	1,995,000	1,995,000		1,995,000
67	17020545	Trần Lưu Tôn	0	19,570,000	19,570,000		19,570,000
68	17020549	Lê Cao Tuấn	0	1,330,000	1,330,000	1,330,000	0
69	18020024	Vũ Trần Quang Huy	0	22,610,000	22,610,000	22,610,000	0
70	18020041	Đào Công Minh	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
71	18020125	Hoàng Nghĩa Anh	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
72	18020151	Nguyễn Phúc Tiến Anh	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
73	18020155	Đỗ Quang Anh	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
74	18020160	Đoàn Ngọc Anh	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
75	18020161	Bùi Tuấn Anh	0	17,955,000	17,955,000	17,955,000	0
76	18020177	Lê Thị Hồng ánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
77	18020182	Nguyễn Ngọc ánh	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
78	18020219	Đặng Đức Cảnh	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
79	18020223	Đỗ Văn Chí	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
80	18020229	Trần Thế Chiến	0	23,940,000	23,940,000	23,940,000	0
81	18020273	Lê Văn Đạo	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
82	18020324	Nguyễn Xuân Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
83	18020327	Nguyễn Duy Đức	0	21,945,000	21,945,000	21,945,000	0
84	18020336	Đào Minh Đức	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
85	18020339	Lê Huy Đức	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
86	18020344	Nguyễn Ngọc Đức	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
87	18020356	Nguyễn Trung Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
88	18020367	Nguyễn Anh Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
89	18020375	Bùi Trí Dũng	0	23,940,000	23,940,000	23,940,000	0
90	18020387	Đào Hồng Dương	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
91	18020401	Bùi Công Dương	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
92	18020412	Nguyễn Văn Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
93	18020431	Lê Quang Giang	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
94	18020451	Phạm Thanh Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
95	18020492	Nguyễn Minh Hiếu	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
96	18020501	Diêm Đăng Hiếu	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
97	18020522	Bùi Quang Hiệu	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
98	18020548	Nguyễn Thái Hoàng	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
99	18020559	Đặng Huy Hoàng	0	22,610,000	22,610,000	22,610,000	0
100	18020561	Nguyễn Ngọc Hoàng	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
101	18020591	Dương Văn Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
102	18020602	Lê Văn Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
103	18020606	Nguyễn Việt Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
104	18020608	Vũ Đình Hưng	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
105	18020609	Lưu Bách Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
106	18020615	Ngô Mạnh Hưng	0	23,940,000	23,940,000	23,940,000	0
107	18020618	Phạm Việt Hưng	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
108	18020619	Trần Thanh Hương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
109	18020628	Ngô Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
110	18020639	Vũ Quang Huy	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
111	18020647	Lương Đức Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
112	18020690	Đào Ngọc Khánh	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
113	18020706	Vũ Ngọc Khánh	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
114	18020719	Nguyễn Viết Huy Khôi	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
115	18020735	Kiều Văn Kiên	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
116	18020743	Phạm Tùng Lâm	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
117	18020744	Phạm Tùng Lâm	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
118	18020774	Lê Đình Linh	0	27,930,000	27,930,000	27,930,000	0
119	18020775	Lê Thị Mỹ Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
120	18020791	Nguyễn Đức Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
121	18020829	Trần Gia Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
122	18020830	Nguyễn Ngọc Long	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
123	18020844	Phạm Đào Hoàng Long	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
124	18020849	Đoàn Đức Long	0	17,052,500	17,052,500	17,052,500	0
125	18020875	Nguyễn Đức Mạnh	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
126	18020894	Nguyễn Ngọc Minh	0	27,265,000	27,265,000	27,265,000	0
127	18020903	Nguyễn Văn Minh	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
128	18020933	Nguyễn Vũ Giang Nam	0	23,940,000	23,940,000	23,940,000	0
129	18020934	Chu Văn Nam	-780	16,625,000	16,624,220	16,624,220	0
130	18020939	Hoàng Minh Nam	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
131	18020974	Đỗ Văn Nhất	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
132	18020984	Trương Thị Cẩm Nhung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
133	18020987	Vũ Oanh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
134	18021007	Nguyễn Thành Phúc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
135	18021039	Hồ Đức Quân	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
136	18021055	Phan Đức Quang	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
137	18021059	Lê Vương Quốc	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
138	18021065	Lê Minh Quyền	-220	20,615,000	20,614,780	20,614,780	0
139	18021072	Lê Thanh Sang	0	18,382,500	18,382,500	18,382,500	0
140	18021082	Nguyễn Hồng Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
141	18021084	Lê Minh Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
142	18021101	Vũ Mậu Sơn	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
143	18021137	Nguyễn Hoàng Thăng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
144	18021155	Lê Tất Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
145	18021157	Bùi Quang Việt Thắng	0	22,610,000	22,610,000	22,610,000	0
146	18021165	Nguyễn Kiến Thanh	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
147	18021188	Vũ Đình Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
148	18021190	Vũ Đức Thành	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
149	18021209	Trần Vũ Thiện	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
150	18021225	Phạm Thế Thịnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
151	18021243	Đỗ Tiến Thu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
152	18021244	Vũ Kim Thư	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
153	18021249	Bùi Đức Thuần	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
154	18021251	Chu Thế Thuận	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
155	18021260	Nguyễn Ngọc Thúy	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
156	18021285	Trần Minh Toàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
157	18021291	Nguyễn Đình Tới	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
158	18021316	Nguyễn Bá Trung	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
159	18021321	Nguyễn Thành Trung	-780	22,610,000	22,609,220		22,609,220
160	18021325	Nguyễn Đức Trung	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
161	18021339	Trần Văn Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
162	18021342	Ngô Duy Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
163	18021349	Võ Hoàng Anh Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
164	18021368	Trần Minh Tuấn	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
165	18021369	Nguyễn Phúc Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
166	18021392	Nguyễn Văn Tùng	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
167	18021397	Nguyễn Văn Tùng	0	23,940,000	23,940,000	23,940,000	0
168	18021398	Dương Thanh Tùng	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
169	18021409	Doãn Công Tuyến	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
170	18021416	Phạm Bá Văn	0	17,955,000	17,955,000	17,955,000	0
171	18021422	Vũ Quốc Việt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
172	18021444	Trần Trọng Vương	0	19,950,000	19,950,000	19,950,000	0
173	18021447	Viên Đức Vương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
174	18020009	Nguyễn Tất Đạt	0	18,620,000	18,620,000		18,620,000
175	18020017	Trần Mạnh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
176	18020021	Dương Quốc Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
177	18020026	Trần Trung Kiên	0	11,067,500	11,067,500	11,067,500	0
178	18020032	Nguyễn Hải Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
179	18020035	Mai Hoàng Long	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
180	18020047	Tạ Đình Quý	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
181	18020050	Nguyễn Minh Tân	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
182	18020101	Hàn Tiến Khánh An	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
183	18020104	Đoàn Đình An	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
184	18020106	Nguyễn Quốc An	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
185	18020112	Nguyễn Đăng An	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
186	18020119	Đinh Vĩnh Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
187	18020130	Đinh Tiến Anh	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
188	18020131	Trần Đức Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
189	18020138	Hoàng Đức Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
190	18020149	Trần Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
191	18020159	Nguyễn Minh Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
192	18020167	Hoàng Việt Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
193	18020194	Trịnh Xuân Bách	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
194	18020212	Lê An Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
195	18020213	Dương Đình Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
196	18020214	Lê Minh Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
197	18020231	Trần Công Chiến	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
198	18020236	Lê Hữu Chung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
199	18020245	Nguyễn Đức Công	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
200	18020286	Nguyễn Tiến Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
201	18020290	Nguyễn Tiến Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
202	18020294	Vũ Thành Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
203	18020335	Nguyễn Phú Đức	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
204	18020347	Lê Anh Đức	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
205	18020370	Nguyễn Mạnh Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
206	18020386	Nguyễn Đức Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
207	18020393	Nguyễn Đỗ Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
208	18020403	Lương Tuấn Dương	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
209	18020424	Phạm Trường Giang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
210	18020428	Lê Bằng Giang	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
211	18020429	Nguyễn Trường Giang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
212	18020434	Nguyễn Đăng Hà	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
213	18020439	Nguyễn Phúc Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
214	18020452	Võ Thanh Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
215	18020455	Nguyễn Thị Bích Hằng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
216	18020461	Nguyễn Việt Hảo	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
217	18020494	Vũ Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
218	18020495	Trần Minh Hiếu	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
219	18020502	Phạm Văn Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
220	18020503	Phạm Văn Hiếu	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
221	18020507	Nguyễn Xuân Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
222	18020510	Nguyễn Ngọc Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
223	18020523	Bạch Quang Hiệu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
224	18020527	Nguyễn Duy Hòa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
225	18020533	Thạch Minh Hoàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
226	18020543	Nguyễn Lê Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
227	18020544	Nguyễn Xuân Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
228	18020554	Nguyễn Việt Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
229	18020555	Trần Long Hoàng	0	22,610,000	22,610,000	22,610,000	0
230	18020557	Nguyễn Huy Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
231	18020565	Đào Huy Hoàng	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
232	18020566	Nguyễn Việt Hoàng	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
233	18020568	Phạm Việt Hoàng	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
234	18020582	Phan Quang Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
235	18020598	Trần Đức Hoàng Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
236	18020599	Đinh Xuân Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
237	18020635	Vũ Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
238	18020638	Nguyễn Tiến Hoàng Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
239	18020649	Nguyễn Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
240	18020654	Đỗ Quang Huy	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
241	18020670	Bùi Đức Khải	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
242	18020685	Nguyễn Quốc Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
243	18020691	Trần Quốc Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
244	18020696	Đặng Quốc Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
245	18020710	Nguyễn Quốc Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
246	18020715	Nguyễn Văn Khiêm	0	17,955,000	17,955,000	17,955,000	0
247	18020737	Phạm Trung Kiên	0	13,846,250	13,846,250	13,846,250	0
248	18020738	Hoàng Tuấn Kiệt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
249	18020758	Hoàng Phương Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
250	18020762	Nguyễn Văn Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
251	18020763	Phùng Thị Khánh Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
252	18020779	Nguyễn Hữu Lộc	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
253	18020780	Kiều Xuân Lộc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
254	18020790	Nguyễn Duy Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
255	18020792	Nguyễn Phi Long	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
256	18020793	Nguyễn Việt Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
257	18020795	Nguyễn Tuấn Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
258	18020796	Nguyễn Hải Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
259	18020810	Hồ Tuấn Long	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
260	18020831	Nguyễn Thăng Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
261	18020833	Nguyễn Kim Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
262	18020836	Nguyễn Thành Long	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
263	18020852	Lê Kim Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
264	18020857	Hồ Đức Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
265	18020889	Đàm Tuấn Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
266	18020906	Nguyễn Đức Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
267	18020907	Mai Xuân Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
268	18020909	Trần Công Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
269	18020918	Phương Anh Mỹ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
270	18020940	Bùi Hải Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
271	18020949	Tần Lê Nghĩa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
272	18020950	Lê Huy Ngọ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
273	18020958	Vũ Minh Ngọc	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
274	18020963	Nguyễn Đình Ngọc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
275	18020966	Trần Quang Nguyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
276	18020967	Vũ Đức Nguyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
277	18020969	Trần Phan Nguyễn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
278	18020975	Lê Quang Nhật	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
279	18020981	Cao Cẩm Nhung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
280	18020991	Nguyễn Đình Phan	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
281	18020992	Nguyễn Thế Phan	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
282	18021002	Nguyễn Trung Phong	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
283	18021009	Nguyễn Quang Phúc	0	20,615,000	20,615,000	20,615,000	0
284	18021014	Hồ Công Phùng	0	22,610,000	22,610,000	22,610,000	0
285	18021017	Bùi Khánh Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
286	18021027	Lê Thị Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
287	18021033	Lê Anh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
288	18021048	Trần Vinh Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
289	18021052	Nguyễn Văn Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
290	18021063	Nguyễn Thị Quyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
291	18021069	Hoàng Như Quỳnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
292	18021078	Công Minh Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
293	18021102	Nguyễn Huy Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
294	18021113	Nguyễn Thị Minh Tâm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
295	18021121	Dương Văn Tân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
296	18021139	Phạm Hải Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
297	18021159	Đỗ Trịnh Quốc Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
298	18021173	Nguyễn Xuân Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
299	18021174	Trần Trung Thành	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
300	18021202	Chu Quang Thế	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
301	18021206	Hồ Văn Thép	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
302	18021222	Nguyễn Xương Thìn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
303	18021228	Lê Thái Thịnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
304	18021232	Ngô Doãn Thịnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
305	18021235	Phan Bùi Phúc Thịnh	0	18,620,000	18,620,000	18,620,000	0
306	18021254	Ngô Công Thức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
307	18021286	Phạm Ngọc Toàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
308	18021309	Vũ Khánh Trình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
309	18021319	Đinh Thành Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
310	18021338	Nguyễn Xuân Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
311	18021346	Lộc Phi Trưởng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
312	18021350	Nguyễn Ngọc Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
313	18021352	Trịnh Tuấn Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
314	18021361	Nguyễn Anh Tuấn	0	22,610,000	22,610,000	22,610,000	0
315	18021362	Nguyễn Đình Anh Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
316	18021371	Nguyễn Mạnh Tuấn	0	18,620,000	18,620,000		18,620,000
317	18021383	Phạm Thế Tuấn	-2,800,000	16,625,000	13,825,000		13,825,000
318	18021424	Nguyễn Quốc Việt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
319	18021433	Phạm Dương Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
320	19020157	Đào Tuấn Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
321	19020161	hứa Quang Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
322	19020998	Dương Duy Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
323	19020999	Nguyễn Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
324	19021000	Trần Văn Cao	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
325	19021001	Phạm Công Chung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
326	19021002	Đỗ Đức Công	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
327	19021003	Trần Văn Công	-5,000	16,625,000	16,620,000	16,625,000	-5,000
328	19021004	Dương Tuấn Cương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
329	19021005	Nguyễn Huy Cường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
330	19021006	Nguyễn Đức Cường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
331	19021007	Nguyễn Nam Cường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
332	19021008	Nguyễn Hồng Cường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
333	19021010	Nguyễn Quang Đại	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
334	19021011	Triệu Văn Đăng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
335	19021013	Nguyễn Minh Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
336	19021014	Phạm Thành Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
337	19021015	Vũ Tiến Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
338	19021016	Nguyễn Viết Đông	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
339	19021017	Phạm Trung Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
340	19021018	Nguyễn Hữu Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
341	19021019	Lại Huy Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
342	19021020	Nguyễn Việt Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
343	19021022	Lê Mạnh Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
344	19021023	Nguyễn Quang Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
345	19021024	Phạm Mạnh Dũng	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0
346	19021025	Nguyễn Viết Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
347	19021026	Nguyễn Tùng Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
348	19021027	Phạm Đình Đăng Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
349	19021028	Hoàng Thế Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
350	19021029	Nguyễn Bá Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
351	19021031	Nghiêm Đình Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
352	19021032	Bùi Thanh Hà	0	18,406,250	18,406,250	18,406,250	0
353	19021033	Hoàng Phúc Hải	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
354	19021034	Nguyễn Đức Hải	0	13,846,250	13,846,250	13,846,250	0
355	19021035	Bùi Thị Dương Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
356	19021036	Nguyễn Ngọc Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
357	19021037	Nguyễn Văn Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
358	19021038	Lương Văn Hạnh	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
359	19021039	Nguyễn Tiến Hậu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
360	19021040	Lê Văn Hậu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
361	19021041	Vũ Thế Hiến	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
362	19021042	bùi khánh hiển	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
363	19021043	Nguyễn Tuấn Hiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
364	19021044	Hoàng Đức Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
365	19021045	Đỗ Hữu Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
366	19021046	Phạm Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
367	19021047	Phí Văn Hòa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
368	19021048	Phạm Xuân Hòa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
369	19021051	Lê Huy Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
370	19021052	Đinh Huy Hoàng	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
371	19021053	Nghiêm Ngọc Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
372	19021054	Nguyễn Việt Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
373	19021056	Phạm Vũ Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
374	19021057	Hoàng Văn Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
375	19021058	Vũ Hải Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
376	19021059	Nguyễn Quốc Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
377	19021060	Chu Thiện Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
378	19021062	Đặng Đình Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
379	19021063	Nghiêm Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
380	19021064	Vũ Văn Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
381	19021066	Đoàn Mạnh Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
382	19021067	Nguyễn Thế Khôi	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
383	19021069	Nguyễn Văn Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
384	19021070	Nguyễn TrungKiên	-780	16,625,000	16,624,220	16,625,000	-780
385	19021071	Đỗ Đức Thanh Lâm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
386	19021073	Hoàng Hải Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
387	19021074	Trần Công Lương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
388	19021076	Trần Xuân lượng	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
389	19021077	Vũ Đức Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
390	19021078	Cao Đức Mạnh	0	18,905,000	18,905,000	18,950,000	-45,000
391	19021079	Vũ Đức Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
392	19021080	Dương Công Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
393	19021081	Nguyễn Đức Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
394	19021082	Đàm Văn Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
395	19021083	Nguyễn Quang Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
396	19021084	Phạm Tuấn Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
397	19021085	Lê Quang Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
398	19021086	Nguyễn Văn Nam	0	13,846,250	13,846,250	13,846,250	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
399	19021087	Phạm Thế Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
400	19021088	Lê Hoài Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
401	19021089	Trần Quang Nguyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
402	19021090	Tống Văn Nguyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
403	19021091	Nguyễn Trọng Nhân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
404	19021092	Nguyễn Vũ Phúc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
405	19021093	Lâm Văn Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
406	19021094	Nguyễn Chí Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
407	19021095	Trịnh Hồng Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
408	19021096	Nguyễn Vũ Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
409	19021097	Lương Hồng Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
410	19021098	Nguyễn Văn Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
411	19021099	Cao Hồng Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
412	19021100	Tô Minh Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
413	19021101	Ngô Tiến Sáng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
414	19021102	Nguyễn Đức Thái Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
415	19021103	Nguyễn Tiến Trường Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
416	19021104	Trần Thế Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
417	19021105	Nguyễn Thế Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
418	19021107	Mai Ngọc Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
419	19021108	Trần Nhật Tân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
420	19021109	Trịnh Minh Tân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
421	19021110	Đinh Văn Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
422	19021111	Phạm Đức Thắng	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0
423	19021112	Hà Ngọc Thanh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
424	19021113	Đinh Tuấn Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
425	19021114	Bùi Tuấn Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
426	19021115	Nguyễn Văn Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
427	19021116	Nguyễn Quốc Thịnh	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0
428	19021117	Hoàng Văn Thịnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
429	19021118	Trần Hữu Thịnh	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
430	19021119	Phạm Minh Tiến	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
431	19021120	Phạm Minh Tiến	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
432	19021121	Ngô Minh tình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
433	19021122	Nguyễn Thọ Toàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
434	19021123	Hoàng Văn Toàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
435	19021124	Nguyễn Hải Toàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
436	19021125	Mai Đình trinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
437	19021127	Trần Bá Đan Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
438	19021129	Đỗ Mạnh Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
439	19021130	Bùi Thanh Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
440	19021132	Vũ Đình Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
441	19021133	Nguyễn Văn Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
442	19021134	Nguyễn Xuân Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
443	19021135	Trần Thanh Tùng	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
444	19021137	Đinh Quang Vinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
445	19021138	Nguyễn Chu Long Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
446	19021139	Dương Quang Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
447	19021140	Nguyễn Đình Vỹ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
448	19021141	Vũ Quang Xuân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
449	19020033	Ngô Hải Đăng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
450	19020034	Trần Minh Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
451	19020035	Cao Nguyễn Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
452	19020036	Vũ Hoàng Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
453	19020060	Nguyễn Vũ Bình Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
454	19020061	Dương Ngân Hà	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
455	19020063	Cao Đình Hoàng Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
456	19020064	Nguyễn Lê Minh Ngọc	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
457	19020065	Nguyễn Vinh Quang	0	21,945,000	21,945,000	21,945,000	0
458	19020066	Hoàng Hữu Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
459	19020067	Trần Việt Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
460	19020092	Vũ Đình Việt Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
461	19020093	Hoàng Hữu Bách	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
462	19020095	Nguyễn Hùng Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
463	19020098	Vương Vũ Đức Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
464	19020099	Nguyễn Việt Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
465	19020100	Bùi Danh Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
466	19020101	Nguyễn TrungHưng	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
467	19020102	Nguyễn Anh Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
468	19020103	Dương Nhật Huy	0	20,425,000	20,425,000	21,500,000	-1,075,000
469	19020104	Nguyễn Ngọc Khang	0	24,225,000	24,225,000	24,225,000	0
470	19020105	Nguyễn Duy Đức Khoa	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
471	19020106	Nguyễn Thế Kiên	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
472	19020107	Khuất Bảo Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
473	19020108	Nguyễn Mỹ Linh	-2,400,000	16,625,000	14,225,000	14,225,000	0
474	19020110	Trần Hoàng Bảo Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
475	19020111	Ngô Đức Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,623,900	1,100
476	19020112	Đặng Nhật Minh	-2,400,000	16,625,000	14,225,000	14,225,000	0
477	19020113	Nguyễn Bảo Minh	0	21,945,000	21,945,000	21,945,000	0
478	19020115	Phạm Hoàng Phi	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
479	19020116	Phan Đình Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
480	19020117	Hoàng Nhật Quang	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
481	19020118	Lê Thu Trà	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
482	19020120	Phan Đức Việt	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0
483	19020126	Nguyễn Trọng Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
484	19020128	Nguyễn Bá Anh Tuấn	0	21,945,000	21,945,000	21,945,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
485	19021205	lã Quốc Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
486	19021207	Trần Quang Anh	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
487	19021208	Nguyễn Đức Anh	-2,400,000	16,625,000	14,225,000	14,225,000	0
488	19021209	Trương Thị Kiều Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
489	19021210	Lý Hoàng Anh	0	21,945,000	21,945,000	21,945,000	0
490	19021211	Dương Tú Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
491	19021212	Nguyễn Việt Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
492	19021213	Phan Hải Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
493	19021214	Vũ Tú Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
494	19021215	Đặng Thế Hoàng Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
495	19021216	Nguyễn Trung Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
496	19021217	Đinh Việt Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
497	19021218	Dương Nguyệt ánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
498	19021219	Phạm Ngọc ánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
499	19021220	Dương Quang Bách	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
500	19021221	Ngô Xuân Bách	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
501	19021222	Trần Xuân Bách	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
502	19021223	Trần Thanh Bách	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
503	19021224	Trương Gia Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
504	19021225	Bùi Đăng Nam Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
505	19021226	Nguyễn Thành Bổng	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
506	19021227	Nguyễn Duy Cao	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
507	19021228	Vũ Đình Công	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
508	19021229	Đặng Trung Cương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
509	19021230	Vũ Mạnh Cường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
510	19021231	Lê Mạnh Cường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
511	19021233	Mai Công Danh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
512	19021234	Hà Văn Đạt	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
513	19021235	Ngô Quốc Đạt	3,200,000	16,625,000	19,825,000	19,825,000	0
514	19021236	Đỗ Văn Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
515	19021237	Nguyễn Thành Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
516	19021238	Đỗ Đình Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
517	19021239	Phạm Đức Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
518	19021240	Nguyễn Trọng Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
519	19021241	Nguyễn Quang Diệu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
520	19021242	Hà Tiến Đức	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
521	19021243	Lò Anh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
522	19021244	Lê Tuấn Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
523	19021245	Trần Long Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
524	19021246	Phạm Anh Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
525	19021247	Vũ Mạnh Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
526	19021248	Đỗ Đại Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
527	19021249	Nguyễn Tùng Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
528	19021250	Phạm Quý Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
529	19021252	Phạm Minh Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
530	19021253	Trịnh Thị Duyên	-2,400,000	19,665,000	17,265,000		17,265,000
531	19021254	Lê Thị Bích Duyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
532	19021256	Hà Đông Giang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
533	19021257	Ngô Hồng Giang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
534	19021258	Đinh Thị Giang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
535	19021259	Nguyễn Trường Giang	0	19,665,000	19,665,000		19,665,000
536	19021260	Lê Trường Giang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
537	19021261	Hoàng Đức Hà	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
538	19021262	Nguyễn Quang Hà	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
539	19021263	Trần Xuân Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
540	19021264	Nguyễn Văn Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
541	19021265	Trần Thị Hằng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
542	19021267	Nguyễn Thị Thúy Hiền	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
543	19021268	Vũ Ngọc Hiển	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
544	19021269	Nguyễn Sinh Hiển	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
545	19021270	Đỗ Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
546	19021271	Nguyễn Trung Hiếu	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0
547	19021272	Nguyễn Trung Hiếu	0	16,387,500	16,387,500	16,387,500	0
548	19021273	Đỗ Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
549	19021274	Đặng Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
550	19021275	Bùi Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
551	19021276	Nguyễn Vũ Hiệu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
552	19021278	Nghiêm Thị Quỳnh Hoa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
553	19021280	Trần Huy Hoàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
554	19021281	Đinh Phú Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
555	19021282	Phạm Minh Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
556	19021283	Nguyễn Thế Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
557	19021284	Bùi Huy Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
558	19021285	Trần Minh Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
559	19021286	Nguyễn Hữu Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
560	19021288	Lê Thị Minh Hồng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
561	19021289	Trần Khánh Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
562	19021290	Nguyễn Văn Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
563	19021291	Dương Việt Hùng	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
564	19021292	Trần Quốc Hưng	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
565	19021293	Đoàn Việt Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
566	19021294	Vũ Quang Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
567	19021295	Nguyễn Mạnh Hưng	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
568	19021296	Nguyễn Thị Lan Hương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
569	19021297	Trần Ngọc Hướng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
570	19021298	Nguyễn Thị hường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
571	19021299	Nguyễn Đức Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
572	19021300	Đỗ Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
573	19021301	Trương Gia Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
574	19021302	Hồ Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
575	19021303	Nguyễn Đức Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
576	19021304	Ngô Văn Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
577	19021305	Lê Bá Gia Huy	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
578	19021306	Hồ An Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
579	19021307	Bùi Khánh Huyền	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
580	19021308	Đỗ Ngọc Huyền	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
581	19021310	Nguyễn Xuân Khang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
582	19021311	Đặng Tiến Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
583	19021312	Dương Hoàng Khánh	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
584	19021313	Nguyễn Quốc Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
585	19021314	Tống Duy Khánh	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
586	19021315	Phạm Thị Minh Khuê	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
587	19021318	Lưu Văn Lâm	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
588	19021319	Đặng Xuân lãm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
589	19021320	Trần Duy Linh	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
590	19021321	Vũ Đức Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
591	19021322	Trần Thế Mạnh Long	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
592	19021323	Trần Thành Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
593	19021324	Lê Thiên Lực	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
594	19021325	Nguyễn Hải Lưu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
595	19021326	Phạm Ngọc Mai	0	21,945,000	21,945,000		21,945,000
596	19021327	Vũ Lê Mai	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
597	19021328	Lê Xuân Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
598	19021329	Nguyễn Tuấn Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
599	19021330	Phan Công Minh	-2,400,000	16,625,000	14,225,000	14,225,000	0
600	19021331	Phạm Vũ Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
601	19021332	Nguyễn Quang Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
602	19021333	Nguyễn Công Minh	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
603	19021334	Bùi Hoàng Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
604	19021335	Trần Đình Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
605	19021336	Trần Đồng Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
606	19021337	Vũ Thế Nam	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
607	19021338	Hà Phương Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
608	19021339	Đào Thị Ngát	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
609	19021340	Nguyễn Hữu Nghĩa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
610	19021341	Nguyễn Duy Ngọc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
611	19021342	Phùng Sỹ Ngọc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
612	19021343	Nguyễn Thị Nhung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
613	19021344	Hoàng Bảo Phúc	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
614	19021346	Vương Thanh Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
615	19021347	Bùi Thu Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
616	19021349	Võ Minh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
617	19021350	Đỗ Mạnh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
618	19021351	Nguyễn Hồng Quân	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
619	19021353	Mai Nhật Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
620	19021354	Hoàng Minh Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
621	19021355	Ngô Đình Ngọc Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
622	19021356	Trần Văn Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
623	19021357	Nguyễn Huy Sáng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
624	19021358	Nguyễn Thế Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
625	19021359	Kiều Thái Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
626	19021362	Thân Hồng Thái	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
627	19021363	Nguyễn Minh Thái	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
628	19021364	Nguyễn Chí Thanh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
629	19021367	Trần Văn Trọng Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
630	19021368	Nguyễn Công Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
631	19021369	Ngô Quang Thiện	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
632	19021370	Đào Duy Thượng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
633	19021371	Nguyễn Văn Thủy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
634	19021372	Bùi Văn Toán	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
635	19021373	Phí Trần Toàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
636	19021374	Phạm Thị Minh Trang	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
637	19021376	Nguyễn Thành Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
638	19021377	Đỗ Minh Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
639	19021378	Lê Quang Trung	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
640	19021379	Trần Quang Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
641	19021380	tào Văn Trường	11,650,000	16,625,000	28,275,000		28,275,000
642	19021381	Nguyễn Văn Tú	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
643	19021382	Nguyễn Đức Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
644	19021383	Nguyễn Anh Tuấn	0	23,465,000	23,465,000		23,465,000
645	19021384	Nguyễn Mạnh Tuấn	0	19,665,000	19,665,000	19,665,000	0
646	19021385	Đào Xuân Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
647	19021386	Chu Thanh Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
648	19021387	Kiều Văn Tuyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
649	19021388	Kiều Văn Tuyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
650	19021389	Nguyễn Thị Hồng Vân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
651	19021390	Đinh Ngọc Vân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
652	19021391	Đàm Thanh Văn	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
653	19021392	Trần Quang Việt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
654	19021393	Hà Long Việt	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
655	19021394	Nguyễn Đức Vinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
656	19021395	Nguyễn Thành Vinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
657	19021396	Phạm Thanh Vĩnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
658	19021397	Phạm Văn Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
659	19020073	Phạm Đức Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
660	19021399	Hoàng An	-39,780	16,625,000	16,585,220	16,586,000	-780
661	19021400	Nguyễn Thị Vân Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
662	19021401	Lê Đức Anh	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
663	19021404	Nguyễn Thế Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
664	19021405	chử Việt Anh	0	16,625,000	16,625,000	17,500,000	-875,000

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
665	19021406	Trần Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
666	19021407	Phạm Đức Anh	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
667	19021408	Phạm Đức Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
668	19021409	Nguyễn Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
669	19021411	Đinh Tiến Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
670	19021412	Nguyễn Lâm Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
671	19021413	Lê Xuân bắc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
672	19021414	Phạm Minh Bảo	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
673	19021415	Trương Văn Bảo	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
674	19021416	Ngô Hải Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
675	19021417	Dương Tấn Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
676	19021418	Hồ Trần Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
677	19021419	Phạm Đình Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
678	19021420	Nguyễn Thành Công	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
679	19021421	Vũ Thành Công	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
680	19021422	Phạm Thái Công	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
681	19021423	Nguyễn Sỹ Đại	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
682	19021424	Hoàng Trọng Đại	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
683	19021426	Nguyễn Minh Đăng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
684	19021427	Lê Hồng Đăng	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
685	19021428	Nguyễn Hữu Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
686	19021430	Nguyễn Đăng Đoàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
687	19021431	Phạm Văn Dự	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
688	19021432	Lương Nguyễn Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
689	19021433	Đỗ Anh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
690	19021434	Nguyễn Văn Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
691	19021435	Tạ Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
692	19021437	Trần Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
693	19021438	Nguyễn Anh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
694	19021439	Phan Anh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
695	19021440	Phạm Công Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
696	19021442	Trần Nhật Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
697	19021443	Trịnh Trường Giang	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
698	19021444	Lương Thị Thuỳ Giang	0	18,145,000	18,145,000	16,625,000	1,520,000
699	19021445	Nguyễn Mạnh Hà	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
700	19021446	Hoàng Tuấn Hà	0	12,734,750	12,734,750	12,734,750	0
701	19021447	Lê Hoàng Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
702	19021448	Nguyễn Công Hải	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
703	19021449	Phạm Đức Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
704	19021450	Đỗ Thị Hằng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
705	19021451	Ma Thanh Hiển	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
706	19021452	Phạm Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
707	19021453	Nguyễn Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
708	19021454	Vũ Ngọc Hoàng Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
709	19021455	Nguyễn Huy Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
710	19021456	Trần Quốc Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
711	19021457	Nguyễn Đức Hoàng	-780	16,625,000	16,624,220	16,624,220	0
712	19021458	Phan Mạnh Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
713	19021459	Tô Hữu Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
714	19021460	Nguyễn Việt Hoàng	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
715	19021461	Nguyễn Mạnh Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
716	19021462	Kiều Quang Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
717	19021463	Lê Minh Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
718	19021464	Nguyễn Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
719	19021465	Trương Gia Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
720	19021466	Nguyễn Danh Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
721	19021467	Phan Đức Huy	-1,780	16,625,000	16,623,220	16,625,000	-1,780
722	19021468	Nguyễn Đăng Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
723	19021469	diệp Lê Huy	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
724	19021470	Mai Văn Khải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
725	19021471	Nguyễn Nam Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
726	19021472	Nguyễn Nhật Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
727	19021473	Đỗ Minh Khôi	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
728	19021474	Trịnh Tuấn khởi	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
729	19021475	Nguyễn Đức Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
730	19021476	Vũ TrungKiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
731	19021477	Phạm Tùng Lâm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
732	19021478	Đinh Quang Lâm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
733	19021479	Lê Công Lịch	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
734	19021480	Lê Khánh Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
735	19021481	Nguyễn Văn Lợi	-50,000	16,625,000	16,575,000	16,575,000	0
736	19021482	Vũ Hoàng Long	0	16,625,000	16,625,000	17,500,000	-875,000
737	19021483	Phạm Hoàng Long	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
738	19021484	Nguyễn Trọng Mạnh	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
739	19021485	Bùi Đức Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
740	19021486	Đỗ Hồng Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
741	19021487	Lê Hiếu Minh	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
742	19021488	Bùi Ngọc Minh	-780	16,625,000	16,624,220	16,625,000	-780
743	19021489	Trần Nguyễn Hoàng Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
744	19021490	Nguyễn Bảo Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
745	19021491	Đinh doãn Nam	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
746	19021493	Nguyễn Văn Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
747	19021494	Trần Xuân Nguyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
748	19021495	Nguyễn Trung Nguyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
749	19021496	hoả Văn Nguyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
750	19021497	Bùi Quang Nhật	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
751	19021498	Vũ Thị Hồng Nhung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
752	19021499	Trần Quang Phú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
753	19021501	Bùi Vũ Minh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
754	19021502	Hoàng Minh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
755	19021503	Trần Anh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
756	19021504	Lê Anh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
757	19021505	Lê Trung Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
758	19021506	Nguyễn Minh Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
759	19021507	Trần Viết Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
760	19021508	Nguyễn Duy Quỳnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
761	19021509	Trần Hoàng Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
762	19021510	Đào Nhật Tân	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
763	19021511	Nguyễn Minh Tân	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
764	19021513	Vũ Văn Thái	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
765	19021514	Phạm Đức Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
766	19021515	Phạm Xuân Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
767	19021516	Trần Bảo Thịnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
768	19021517	Đàm Viết Thưởng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
769	19021518	Vũ Sơn Thủy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
770	19021519	Nguyễn Huy Tô	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
771	19021520	Tạ Văn Toàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
772	19021521	Chu Thanh Toàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
773	19021522	Lê Ngọc toản	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
774	19021523	Lê Kiều Trang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
775	19021525	Nguyễn Văn Triệu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
776	19021526	Nguyễn Xuân Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
777	19021527	Cấn Quang Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
778	19021528	Trần Xuân Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
779	19021529	Phạm Minh Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
780	19021530	Nguyễn Hữu Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
781	19021531	Phạm Anh Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
782	19021532	Trịnh Quốc Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
783	19021533	Hoàng Mạnh Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
784	19021534	Nguyễn Thanh Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
785	19021535	Lê Đình Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
786	19021536	Lưu Khoa Văn	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
787	19021537	Lê Quốc Việt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
788	19021538	Ngô Quốc Việt	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0
789	19021539	Dương Hoàng Vinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
790	19021540	Đỗ Thái Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
791	19021541	Nguyễn Tuấn Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
792	20020126	Hoàng Thảo Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
793	20020232	Nguyễn Quang Khải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
794	20020240	Nguyễn Khánh Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
795	20020241	Phạm Tiến Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
796	20020242	Trần Quang Hoà	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
797	20020243	Ngô Ngọc Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
798	20020244	Trần Đức Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
799	20021080	Nguyễn Tiến An	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
800	20021082	Lê Phan Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
801	20021083	Nguyễn Tuấn Anh	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
802	20021084	Nguyễn Việt Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
803	20021085	Trần Quốc Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
804	20021086	Vũ Thế Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
805	20021087	Nguyễn Sơn Bách	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
806	20021088	Phạm Văn Bách	-15,000	16,625,000	16,610,000		16,610,000
807	20021089	Hoàng Thanh Bình	0	16,625,000	16,625,000	17,000,000	-375,000
808	20021090	Trần Thanh Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
809	20021091	Đặng Quang Chiến	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
810	20021092	Vũ Đức Chiến	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0
811	20021093	Đỗ Viết Chính	-14,000	16,625,000	16,611,000	16,611,000	0
812	20021094	Nguyễn Văn Chính	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
813	20021095	Phạm Công Chính	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
814	20021097	Nguyễn Mạnh Cường	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0
815	20021098	Phùng Thế Cường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
816	20021099	Hà Mạnh Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
817	20021100	Hoàng Minh Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
818	20021101	Nguyễn Tiến Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
819	20021102	Phạm Đức Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
820	20021103	Vũ Đức Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
821	20021104	Lê Bình Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,675,000	-50,000
822	20021105	Nguyễn Minh Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
823	20021106	Nguyễn Quý Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
824	20021107	Nguyễn Tùng Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
825	20021108	Hoàng Tiến Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
826	20021109	Nguyễn Mạnh Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
827	20021110	Nguyễn Thành Đạt	0	11,067,500	11,067,500	11,067,500	0
828	20021111	Phan Tiến Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
829	20021112	Vũ Tuấn Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
830	20021113	Nguyễn Hữu Hải Đăng	-560,000	16,625,000	16,065,000	16,625,000	-560,000
831	20021114	Mai Xuân Đỉnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
832	20021115	Đào Hải Đông	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
833	20021116	Đặng Tiến Đông	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
834	20021117	Trần Mạnh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
835	20021118	Trương Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
836	20021119	Phương Trường Giang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
837	20021120	Đặng Quang Hà	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
838	20021121	Hoàng Hồng Hải	-144,000	16,625,000	16,481,000	16,625,000	-144,000
839	20021122	Lê Hồng Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
840	20021123	Nguyễn Hoàng Hiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
841	20021124	Nguyễn Trọng Hiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
842	20021125	Vũ Văn Hiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
843	20021126	Lê Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
844	20021127	Nguyễn Duy Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
845	20021128	Nguyễn Đức Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
846	20021129	Nguyễn Khắc Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
847	20021130	Phạm Trung Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
848	20021131	Nguyễn Hữu Hinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
849	20021132	Hà Việt Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
850	20021133	Nguyễn Danh Hoàng	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
851	20021134	Nguyễn Huy Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
852	20021135	Nguyễn Văn Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
853	20021136	Phạm Minh Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
854	20021137	Phạm Việt Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
855	20021138	Trần Như Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
856	20021139	Lê Hùng Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
857	20021140	Phạm Quốc Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
858	20021141	Phùng Đình Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
859	20021142	Lê Văn Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
860	20021144	Nguyễn Hoàng Nhật Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
861	20021145	Tòng Duy Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
862	20021146	Tô Đức Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
863	20021148	Đào Đức Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
864	20021149	Nguyễn Đình Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
865	20021150	Chu Văn Kiểm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
866	20021151	Trần Bảo Liêm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
867	20021152	Đào Nguyễn Hải Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
868	20021153	Trương Duy Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
869	20021154	Đỗ Vũ Thành Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
870	20021155	Đinh Duy Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
871	20021156	Hồ Sỹ Lộc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
872	20021157	Đàm Thị Lương	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0
873	20021158	Lê Đức Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
874	20021159	Trần Đức Mạnh	-50,000	16,625,000	16,575,000	16,575,000	0
875	20021160	Đặng Thái Minh	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0
876	20021162	Nguyễn Quang Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
877	20021163	Đinh Hữu Nam	0	18,145,000	18,145,000	18,145,000	0
878	20021164	Ngô Đức Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
879	20021167	Trần Hoài Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
880	20021168	Tô Bá Nghị	-280,000	16,625,000	16,345,000	16,345,000	0
881	20021169	Bùi Trọng Đức Nghĩa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
882	20021170	Đoàn Trung Nghĩa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
883	20021171	Nguyễn Thế Nghĩa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
884	20021172	Vũ Tuấn Nghĩa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
885	20021173	Nguyễn Phạm Hải Ninh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
886	20021174	Bùi Tá Phong	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
887	20021175	Bùi Văn Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
888	20021176	Nguyễn Văn Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
889	20021177	Đào Duy Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
890	20021178	Lê Minh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
891	20021179	Trần Trọng Sang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
892	20021180	Phạm Thanh Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
893	20021181	Lê Trọng Tấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
894	20021182	Nguyễn Văn Thám	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
895	20021183	Hoàng Tiến Thành	0	16,625,000	16,625,000	17,500,000	-875,000
896	20021184	Phạm Xuân Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
897	20021185	Trương Anh Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
898	20021186	Hà Thị Thắm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
899	20021187	Đào Duy Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
900	20021188	Lê Viết Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
901	20021189	Nguyễn Văn Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
902	20021190	Nguyễn Mạnh Thế	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
903	20021191	Nguyễn Xuân Thịnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
904	20021192	Nguyễn Hoàng Thụy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
905	20021193	Phạm Ngọc Thư	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
906	20021194	Thạch Thị Thu Thương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
907	20021195	Kiều Văn Tiến	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
908	20021196	Phạm Văn Tiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
909	20021197	Trần Trân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
910	20021198	Nguyễn Đức Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
911	20021199	Trần Quang Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
912	20021200	Đoàn Mạnh Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
913	20021201	Hà Nhật Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
914	20021203	Nguyễn Minh Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
915	20021204	Nguyễn Văn Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,650,000	-25,000
916	20021205	Hoàng Anh Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
917	20021206	Nguyễn Việt Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
918	20021208	Vũ Duy Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
919	20021209	Nguyễn Nghĩa Vấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
920	20021210	Bùi Quốc Việt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
921	20021211	Trần Quốc Việt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
922	20021212	Nguyễn Hồng Vinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
923	20021213	Lê Hoàng Lâm Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
924	20021214	Nguyễn Văn Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
925	20020351	Nông Văn Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	10,000,000	6,625,000
926	20020352	Trần Nguyên Tưởng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
927	20021280	Nguyễn Thành An	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
928	20021281	Phan Hiền An	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
929	20021282	Vũ Hữu An	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
930	20021284	Đỗ Ngọc Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
931	20021286	Lê Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
932	20021287	Lê Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
933	20021289	Mai Hoàng Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
934	20021290	Nguyễn Phạm Minh Anh	-423,900	16,625,000	16,201,100	16,625,000	-423,900

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
935	20021291	Nguyễn Phạm Tú Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
936	20021292	Nguyễn Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
937	20021293	Phạm Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
938	20021295	Trần Đức Anh	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
939	20021296	Trần Đức Anh	-1,600,000	16,625,000	15,025,000	15,025,000	0
940	20021297	Trần Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
941	20021298	Vũ Nhật Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
942	20021299	Bùi Văn Bách	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
943	20021301	Nguyễn Quốc Bảo	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
944	20021302	Tạ Thành Bảo	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
945	20021304	Chử Tuấn Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
946	20021305	Hoàng Mạnh Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
947	20021306	Nguyễn Đức Chính	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
948	20021307	Nguyễn Đình Chính	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
949	20021311	Lê Quốc Cường	0	16,625,000	16,625,000	17,500,000	-875,000
950	20021312	Thân Hùng Cường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
951	20021313	Trần Thị Huyền Diệu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
952	20021315	Đỗ Quốc Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
953	20021316	Hà Việt Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
954	20021317	Nguyễn Vĩnh Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
955	20021318	Lê Đức Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
956	20021319	Trần Văn Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
957	20021320	Bùi Thùy Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
958	20021321	Nguyễn Hoàng Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
959	20021322	Phùng ánh Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
960	20021323	Trần Minh Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
961	20021324	Đỗ Thành Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
962	20021325	Hà Hoàng Tiến Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
963	20021326	Lâm Tiến Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
964	20021327	Nguyễn Tiến Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
965	20021328	Trịnh Quốc Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
966	20021329	Đào Trọng Đăng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
967	20021330	Nguyễn Hồng Đăng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
968	20021331	Trương Văn Độ	0	16,625,000	16,625,000	16,800,000	-175,000
969	20021332	Đỗ Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
970	20021333	Đàm Anh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
971	20021334	Đào Văn Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
972	20021335	Đặng Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
973	20021336	Nguyễn Anh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
974	20021337	Nguyễn Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
975	20021338	Nguyễn Văn Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
976	20021340	Hoàng Thu Giang	-10,500,000	16,625,000	6,125,000	6,125,000	0
977	20021341	Đỗ Hoàng Hà	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
978	20021342	Nguyễn Ngọc Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
979	20021343	Nguyễn Hồng Hạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
980	20021346	Bùi Đắc Hiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
981	20021347	Nguyễn Duy Hiến	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
982	20021348	Đỗ Xuân Hiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
983	20021349	Nguyễn Ngọc Hiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
984	20021350	Nguyễn Tuấn Hiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
985	20021351	Dương Hiếu	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
986	20021352	Đặng Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	17,500,000	-875,000
987	20021353	Lê Đức Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
988	20021354	Lê Trung Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
989	20021355	Ngô Trần Trọng Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
990	20021356	Nguyễn Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
991	20021357	Vũ Đức Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
992	20021358	Nguyễn Khải Hoàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
993	20021359	Bùi Huy Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
994	20021360	Nguyễn Bùi Việt Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
995	20021361	Nguyễn Đình Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
996	20021363	Vương Đức Hợp	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
997	20021364	Cấn Mạnh Hùng	-150,000	16,625,000	16,475,000	16,475,000	0
998	20021365	Đỗ Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
999	20021366	Giáp Văn Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1000	20021367	Nguyễn Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1001	20021369	Trần Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1002	20021370	Nguyễn Văn Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1003	20021371	Trần Duy Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1004	20021372	Hoàng Đinh Trọng Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1005	20021374	Nguyễn Thế Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1006	20021375	Nguyễn Văn Khánh	-474,600	16,625,000	16,150,400	16,150,400	0
1007	20021376	Nguyễn Công Khoa	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1008	20021377	Phạm Huy Khôi	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1009	20021378	Lương Trung Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1010	20021379	Nguyễn Duy Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1011	20021381	Vũ Trung Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1012	20021382	Phạm Công Lân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1013	20021383	Đặng Việt Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1014	20021385	Đỗ Ngọc Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1015	20021386	Nguyễn Đức Hoàng Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1016	20021387	Nguyễn Phúc Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1017	20021388	Phạm Đức Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1018	20021389	Nguyễn Khánh Thọ Lộc	0	11,067,500	11,067,500	11,067,500	0
1019	20021390	Đỗ Duy Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1020	20021391	Đỗ Đức Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1021	20021392	Lưu Đạt Tuấn Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1022	20021393	Nguyễn An Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1023	20021394	Nguyễn Lê Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1024	20021395	Nguyễn Quang Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1025	20021396	Phạm Trung Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1026	20021398	Nguyễn Tuấn Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1027	20021399	Trần Thị Ngân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1028	20021400	Bế Trọng Nghĩa	-658,000	16,625,000	15,967,000	16,625,000	-658,000
1029	20021402	Lê Trung Nghĩa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1030	20021403	Lê Thị Mỹ Ngọc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1031	20021406	Nguyễn Phúc Nguyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1032	20021407	Vũ Minh Nhật	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1033	20021408	Lê Thị Cẩm Nhung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1034	20021409	Đỗ Tuấn Phi	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1035	20021410	Nguyễn Văn Phong	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1036	20021411	Bùi Mai Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1037	20021413	Phạm Minh Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1038	20021414	Đỗ Minh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1039	20021415	Nguyễn Anh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1040	20021416	Nguyễn Đức Anh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1041	20021417	Phạm Duy Minh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1042	20021418	Nguyễn Minh Quy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1043	20021419	Hoàng Minh Quý	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1044	20021420	Nguyễn Quốc Quý	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1045	20021421	Phạm Thị Quyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1046	20021422	Đào Văn Quyền	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1047	20021423	Nguyễn Tương Quyết	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1048	20021424	Nguyễn Diệu Quỳnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1049	20021425	Nguyễn Thị Quỳnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1050	20021426	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1051	20021427	Bùi Minh Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1052	20021428	Bùi Minh Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,500,000	125,000
1053	20021429	Cao Xuân Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1054	20021430	Nông Ngọc Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1055	20021431	Trần Mạnh Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1056	20021432	Trần Thanh Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1057	20021433	Hoàng Tú Tài	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1058	20021434	Lê Huy Thái	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1059	20021435	Phạm Công Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1060	20021436	Vũ Viết Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1061	20021437	Đỗ Chiến Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1062	20021438	Đỗ Như Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1063	20021439	Phan Duy Thắng	-840,000	16,625,000	15,785,000	15,875,000	-90,000
1064	20021440	Tạ Văn Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1065	20021441	Hoàng Nam Thế	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1066	20021442	Lê Phúc Thiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1067	20021444	Vũ Đức Thịnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1068	20021449	Phạm Văn Tiến	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1069	20021450	Trần Minh Tiến	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1070	20021451	Bùi Anh Toàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1071	20021452	Phạm Ngọc Toàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1072	20021454	Trần Huyền Trang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1073	20021455	Đặng Thành Trung	-420,000	16,625,000	16,205,000	16,205,000	0
1074	20021456	Nguyễn Minh Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,626,100	-1,100
1075	20021457	Nguyễn Việt Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1076	20021459	Trịnh Công Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1077	20021460	Đỗ Anh Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1078	20021461	Nguyễn Lưu Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1079	20021462	Nguyễn Trung Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1080	20021463	Đỗ Duy Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1081	20021464	Lê Anh Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1082	20021465	Nguyễn Đức Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1083	20021467	Bá Thanh Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1084	20021469	Nguyễn Đức Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1085	20021471	Phạm Đức Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1086	20021472	Trần Thanh Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1087	20021473	Vũ Thanh Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1088	20021474	Cao Xuân Tuyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1089	20021475	Lê Phương Uyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1090	20021476	Nguyễn Duy Việt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1091	20021477	Phạm Thành Vinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1092	20021478	Trịnh Công Vinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1093	20021479	Nguyễn Văn Minh Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1094	20021480	Nguyễn Thị Hải Yến	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1095	20020090	Trần Phan Nguyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1096	20020091	Nguyễn Như Phúc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1097	20020245	Vũ Khắc An	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1098	20020246	Nguyễn Mạnh Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1099	20020247	Hoàng Tùng Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1100	20020248	Nguyễn Vũ Tùng Quân	-280,000	16,625,000	16,345,000	16,345,000	0
1101	20020249	Phạm Bá Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1102	20020250	Đỗ Mạnh Toàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1103	20020251	Nguyễn Đức Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1104	20020252	Bùi Thành Vinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1105	20020331	Nguyễn Thành Tài	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1106	20021481	Chu Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1107	20021482	Đặng Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1108	20021484	Hoàng Thị Phương Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1109	20021485	Lê Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1110	20021486	Lê Vũ Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1111	20021487	Nguyễn Duy Hoàng Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1112	20021488	Nguyễn Thị Vân Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1113	20021490	Tạ Hoàng Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1114	20021491	Trịnh Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1115	20021492	Vũ Hoàng Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1116	20021493	Cao Xuân Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1117	20021494	Ngô Đức Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1118	20021495	Ninh Hải Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1119	20021496	Nguyễn Khắc Chiến	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1120	20021498	Lại Mạnh Cường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1121	20021499	Nguyễn Việt Cường	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1122	20021500	Phạm Văn Cường	-24,000	16,625,000	16,601,000	16,601,000	0
1123	20021501	Phạm Công Danh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1124	20021502	Vũ Mạnh Dinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1125	20021504	Nguyễn Ngọc Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1126	20021505	Nguyễn Văn Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1127	20021507	Đinh Triệu Đan	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1128	20021510	Nguyễn Duy Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1129	20021511	Nguyễn Phúc Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1130	20021512	Trần Văn Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1131	20021513	Nguyễn Hải Đăng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1132	20021514	Phí Văn Đông	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1133	20021515	Lê Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1134	20021516	Lê Quang Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1135	20021517	Ngô Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1136	20021518	Nguyễn Hoàng Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1137	20021519	Nguyễn Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1138	20021520	Nguyễn Năng Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1139	20021521	Phạm Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1140	20021522	Phạm Vũ Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1141	20021524	Trần Sơn Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1142	20021525	Nguyễn Tiến Hạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1143	20021526	Nguyễn Đức Hiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1144	20021527	Đỗ Xuân Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1145	20021529	Nguyễn Trung Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1146	20021530	Nguyễn Văn Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1147	20021531	Bùi Thị Hoàn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1148	20021532	Ngô Doãn Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1149	20021533	Trần Ngọc Huy Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1150	20021534	Vũ Đức Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1151	20021535	Bùi Đức Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1152	20021536	Dương Quốc Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,630,000	-5,000
1153	20021537	Đặng Cao Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1154	20021538	Mai Mạnh Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1155	20021539	Nguyễn Hữu Huy	0	11,067,500	11,067,500		11,067,500

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1156	20021540	Trần Mạnh Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1157	20021541	Trần Văn Huy	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1158	20021543	Nguyễn Văn Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1159	20021544	Nguyễn Quang Khải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1160	20021545	Vũ Tuấn Kiệt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1161	20021546	Trần Phương Lâm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1162	20021547	Đỗ Mạnh Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1163	20021548	Nguyễn Văn Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1164	20021549	Hoàng Thành Lợi	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1165	20021550	Trần Thế Lực	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1166	20021551	Lê Thị Ly	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1167	20021552	Trịnh Công Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1168	20021553	Lương Hồng Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1169	20021554	Nguyễn Duy Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1170	20021555	Nguyễn Như Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,641,625	-16,625
1171	20021556	Phạm Hải Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1172	20021557	Vũ Trường Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1173	20021558	Nguyễn Phương Nga	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1174	20021559	Đoàn Tuấn Nghĩa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1175	20021560	Nguyễn Thị Ngoan	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1176	20021562	Trần Đỗ Khôi Nguyên	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1177	20021563	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1178	20021564	Hoàng Minh Nhật	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1179	20021565	Vũ Thị Lan Nhi	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1180	20021566	Đinh Hải Phong	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1181	20021567	Lâm Thiên Phong	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1182	20021568	Ngô Lê Xuân Phúc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1183	20021569	Hoàng Đức Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1184	20021570	Nguyễn Thanh Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1185	20021571	Khiếu Minh Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1186	20021572	Hoàng Anh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1187	20021573	Phạm Đình Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1188	20021574	Vũ Minh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1189	20021575	Phạm Đình Quý	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1190	20021576	Bùi Ngọc Sơn	0	11,067,500	11,067,500	11,068,000	-500
1191	20021577	Đào Thái Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1192	20021578	Nguyễn Sỹ Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1193	20021579	Nguyễn Thanh Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1194	20021580	Nguyễn Minh Tâm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1195	20021581	Nguyễn Trí Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1196	20021582	Phùng Đình Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1197	20021583	Đỗ Đức Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1198	20021584	Phí Đức Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1199	20021585	Đặng Xuân Thưởng	-200	16,625,000	16,624,800	16,625,200	-400

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1200	20021586	Vũ Minh Tiến	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1201	20021587	Nguyễn Như Tình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1202	20021588	Nguyễn Thị Trang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1203	20021589	Nguyễn Thu Trang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1204	20021590	Lê Thành Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1205	20021591	Nguyễn Quang Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1206	20021592	Nguyễn Huy Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1207	20021593	Hoàng Anh Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1208	20021594	Nguyễn Anh Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1209	20021595	Nguyễn Minh Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1210	20021596	Trần Đình Anh Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1211	20021598	Vũ Huy Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1212	20021599	Ngô Hoàng Khánh Văn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1213	20021601	Nguyễn Quang Vinh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1214	20021602	Lê Anh Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1215	20021603	Nguyễn Long Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1216	20020123	Trần Thị Phước Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1217	20020124	Nguyễn Tuấn Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1218	20020125	Phạm Xuân Hiệu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1219	20020273	Nguyễn Bá Hà Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1220	20020274	Đỗ Thị ánh Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1221	20020275	Nguyễn Đức Hiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1222	20020276	Nguyễn Minh Trí	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1223	20020328	Nguyễn Thái Bình	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1224	20020329	Lê Quang Trường	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1225	20020014	Lê Đức Mai Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1226	20020015	Phạm Nguyễn Tuấn Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1227	20020016	Nguyễn Quang Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1228	20020021	Dương Bảo Long	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1229	20020029	Trịnh Hữu Tân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1230	20020074	Nguyễn Đức Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1231	20020075	Dương Đình Ngọc Bách	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1232	20020076	Nguyễn Trung Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1233	20020077	Trần Văn Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1234	20020078	Ngô Đức Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1235	20020079	Phạm Gia Khiêm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1236	20020080	Hoàng Đức Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1237	20020081	Nguyễn Tấn Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1238	20020082	Lê Minh Quyết	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1239	20020083	Nguyễn Hoàng Trung	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1240	20020127	Hoàng Ngọc Kiều Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1241	20020128	Hoàng Vũ Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1242	20020129	Đàm Nguyệt ánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1243	20020130	Trần Gia Bảo	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1244	20020131	Khuất Nguyên Cương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1245	20020132	Nguyễn Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1246	20020133	Nguyễn Tuấn Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1247	20020134	Đặng Minh Hằng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1248	20020135	Dương Danh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1249	20020136	Nguyễn Trung Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1250	20020137	Phạm Huy Hiệu	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1251	20020138	Phạm Công Mạnh Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,650,000	-25,000
1252	20020139	Đỗ Việt Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1253	20020140	Nguyễn Quốc Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1254	20020141	Trần Đinh Gia Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1255	20020142	Đỗ Trung Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1256	20020144	Đặng Hoàng Long	0	16,625,000	16,625,000	17,500,000	-875,000
1257	20020145	Nguyễn Đức Lộc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1258	20020146	Nguyễn Quang Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1259	20020147	Trần Ngọc Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1260	20020148	Lê Đình Nghĩa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1261	20020149	Phan Thanh Ngọc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1262	20020150	Trần Bá Phong	-4,000	16,625,000	16,621,000	16,621,000	0
1263	20020151	Nguyễn Đăng Minh Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1264	20020152	Đoàn Minh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1265	20020153	Đoàn Thanh Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1266	20020154	Đinh Tiến Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1267	20020155	Ngô Văn Minh Thắng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1268	20020156	Phạm Đức Thắng	-50,000	16,625,000	16,575,000	16,575,000	0
1269	20020157	Đỗ Trọng Thư	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1270	20020158	Dương Đức Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1271	20020159	Nguyễn Sơn Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1272	20020160	Nguyễn Hoàng Việt	-6,086,000	16,625,000	10,539,000	10,539,000	0
1273	20020185	Nguyễn Phương Khanh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1274	20020222	Nguyễn Vân Hà	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1275	20020223	Nguyễn Huỳnh Trà My	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1276	20020224	Phạm Việt Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1277	20020225	Nguyễn Quốc Trung	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1278	20020236	Lương Hoàng Minh	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1279	20020237	Hoàng Nguyễn Minh Trang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1280	20020238	Nguyễn Đức Việt Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1281	20020269	Mai Anh Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1282	20020277	Nguyễn Hà An	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1283	20020278	Nguyễn Thái An	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1284	20020279	Hà Nam Anh	-420,000	16,625,000	16,205,000	16,205,000	0
1285	20020280	Lê Phan Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1286	20020281	Lê Tuấn Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1287	20020282	Vũ Đức Cương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1288	20020283	Nguyễn Đức Cường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1289	20020284	Hoàng Viết Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1290	20020285	Nguyễn Quang Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1291	20020286	Phạm Tiến Dũng	0	11,067,500	11,067,500	11,067,500	0
1292	20020287	Dương Đức Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1293	20020289	Chu Tiến Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1294	20020290	Nguyễn Trần Độ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1295	20020291	Lê Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,500,000	125,000
1296	20020292	Phạm Duy Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1297	20020293	Nguyễn Chí Hiển	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1298	20020294	Tống Đăng Huy	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1299	20020295	Nguyễn Đăng Huỳnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1300	20020296	Hoàng Viết Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1301	20020299	Nguyễn Danh Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1302	20020301	Phạm Đức Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1303	20020302	Phan Hoàng Tuấn Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1304	20020303	Chu Đăng Nghĩa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1305	20020304	Đinh Công Nguyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1306	20020305	Trần Đình Nhẫn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1307	20020306	Lê Nhật Quang	-280,000	16,625,000	16,345,000	16,625,000	-280,000
1308	20020307	Phạm Việt Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1309	20020308	Vũ Minh Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1310	20020309	Lê Việt Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1311	20020310	Nguyễn Duy Quý	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1312	20020312	Nguyễn Trường Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1313	20020313	Vũ Thị Thi	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1314	20020314	Vũ Minh Vương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1315	20020356	Lê Hoàng Đại Dương	0	19,665,000	19,665,000		19,665,000
1316	20021608	Lê Văn Tuấn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1317	20020007	Nguyễn Thái Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1318	20020180	Đỗ Huy Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1319	20020181	Nguyễn Đức Dũng	0	13,846,250	13,846,250	13,846,250	0
1320	20020182	Đào Trung Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1321	20020321	Trần Nam Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1322	20020322	Đỗ Lê Mạnh Hùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1323	20020323	Hồ Thanh Huyền	0	18,905,000	18,905,000	18,905,000	0
1324	20020324	Phạm Thị Khánh Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1325	20020325	Phan Anh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1326	20020326	Bùi Quốc Việt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1327	21020155	Nguyễn Tuấn Hưng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1328	21020156	Nguyễn Bình Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1329	21020157	Lê Đăng Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1330	21020576	Bùi Hữu An	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1331	21020578	Nguyễn Tuấn Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1332	21020579	Bùi Quang Việt Bách	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1333	21020580	Nguyễn Quang Cường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1334	21020581	Phan Tiến Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1335	21020582	Hoàng Thái Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1336	21020583	Kiều Bá Đăng	-910	16,625,000	16,624,090	16,625,000	-910
1337	21020584	Lương Trường Giang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1338	21020585	Nguyễn Duy Trường Giang	-910	16,625,000	16,624,090	16,625,000	-910
1339	21020586	Lê Vũ Hiệp	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1340	21020587	Nguyễn Đức Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1341	21020588	Lê Hoàng Lâm	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1342	21020589	Đào Đức Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1343	21020590	Hoàng Dương Khôi Nguyên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1344	21020591	Đào Tiến Phú	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1345	21020592	Nguyễn Đăng Quang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1346	21020593	Trần Anh Quân	-952,910	16,625,000	15,672,090	15,672,090	0
1347	21020594	Nguyễn Phan Phú Quốc	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1348	21020595	Nguyễn Xuân Tùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,650,000	-72,910
1349	21020596	Nguyễn Đức Trí	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1350	21020597	Nguyễn Minh Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1351	21020723	Phạm Đức Việt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1352	21021259	Dương Cao Kỳ Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1353	21021260	Dương Thị Vân Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1354	21021261	Hà Duy Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1355	21021262	Nguyễn Đức Anh	-705,910	16,625,000	15,919,090	15,920,000	-910
1356	21021263	Nguyễn Đức Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1357	21021264	Nguyễn Hoàng Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1358	21021265	Nguyễn Quang Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1359	21021266	Phạm Hoàng Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,600,000	-22,910
1360	21021267	Trần Đức Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1361	21021268	Trịnh Hoàng Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1362	21021269	Vũ Việt Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1363	21021270	Nguyễn Văn Chất	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1364	21021271	Phạm Ngọc Chương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1365	21021272	Nguyễn Hữu Cường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1366	21021273	Đồng Văn Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1367	21021274	Nguyễn Mạnh Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1368	21021275	Yên Thế Duy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1369	21021276	Bùi Văn Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1370	21021277	Cao Nam Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1371	21021278	Nguyễn Huy Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1372	21021279	Vũ Lê Đăng Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1373	21021280	Lê Chính Đại	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1374	21021281	Nguyễn Việt Đan	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1375	21021282	Đoàn Trần Quang Đạo	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1376	21021283	Chu Tuấn Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1377	21021284	Nguyễn Tiến Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1378	21021285	Phạm Tiến Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1379	21021286	Đặng Xuân Đăng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1380	21021287	Nguyễn Bá Phương Đông	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1381	21021288	Bùi Minh Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1382	21021289	Dương Tự Trí Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1383	21021291	Lê Văn Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,597,000	-19,910
1384	21021292	Nguyễn Minh Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1385	21021293	Nguyễn Minh Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1386	21021294	Nguyễn Phi Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1387	21021295	Nguyễn Quang Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1388	21021296	Phạm Tuấn Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1389	21021297	Lê Xuân Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1390	21021298	Nguyễn Ngọc Hải	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1391	21021299	Nguyễn Minh Hiển	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1392	21021300	Nguyễn Hoàng Hiệp	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1393	21021301	Hoàng Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1394	21021303	Nghiêm Trung Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1395	21021304	Nguyễn Minh Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,600,000	-22,910
1396	21021305	Nguyễn Tiến Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1397	21021306	Phạm Đức Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1398	21021307	Ngô Huy Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1399	21021308	Nguyễn Huy Hoàng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1400	21021309	Trương Huy Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1401	21021310	Vũ Huy Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1402	21021311	Bùi Tuấn Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1403	21021312	Đặng Văn Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1404	21021313	Nguyễn Công Quốc Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1405	21021314	Nguyễn Quang Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1406	21021315	Nguyễn Văn Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1407	21021316	Phạm Quang Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1408	21021317	Trần Quốc Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,680,000	-55,000
1409	21021318	Vũ Đức Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1410	21021319	Vũ Gia Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1411	21021320	Đỗ Khánh Hưng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1412	21021321	Nguyễn Tuấn Hưng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1413	21021322	Trần Duy Hưng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1414	21021323	Vũ Duy Hưng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1415	21021324	Vũ Quang Hưng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1416	21021325	Nguyễn Văn Hữu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1417	21021326	Phùng Mạnh Khang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1418	21021327	Nguyễn Hữu Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1419	21021328	Lê Quý Minh Khoa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1420	21021329	Nguyễn Sỹ Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1421	21021330	Phan Trung Kiên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1422	21021331	Phạm Gia Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1423	21021332	Đặng Minh Lân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1424	21021333	Hà Duy Linh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1425	21021334	Đỗ Thị Loan	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1426	21021335	Mẫn Bá Long	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1427	21021336	Nguyễn Đức Long	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1428	21021337	Phạm Thành Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1429	21021338	Vũ Hải Long	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1430	21021339	Đoàn Hữu Mạnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1431	21021340	Lê Vũ Đức Mạnh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1432	21021341	Bùi Nhật Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1433	21021342	Hoàng Xuân Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1434	21021343	Phạm Quang Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1435	21021344	Bùi Phương Nam	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1436	21021345	Lưu Hoài Nam	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1437	21021346	Nguyễn Đình Nam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1438	21021347	Văn Tiến Nam	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1439	21021348	Lê Quý Như Ngọc	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1440	21021349	Trần Minh Nhật	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1441	21021350	Nguyễn Kiều Phong	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1442	21021351	Lê Minh Phương	-247,910	11,067,500	10,819,590	10,819,590	0
1443	21021352	Nguyễn Đức Duy Phương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1444	21021353	Đặng Ngọc Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,577,000	48,000
1445	21021354	Hoàng Việt Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1446	21021355	Phùng Gia Quang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1447	21021356	Dương Danh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1448	21021357	Nguyễn Cảnh Quân	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1449	21021358	Nguyễn Trọng Minh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1450	21021359	Trần Ngọc Anh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1451	21021360	Bùi Công Sơn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,588,000	-10,910
1452	21021361	Đào Công Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1453	21021362	Nguyễn Cao Bảo Sơn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1454	21021363	Nguyễn Khánh Sơn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1455	21021364	Trần Công Sơn	-52,910	16,625,000	16,572,090	16,575,000	-2,910
1456	21021365	Trần Đức Tài	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1457	21021366	Mai Văn Thái	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1458	21021367	Nguyễn Ngọc Thái	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1459	21021368	Nguyễn Trường Thành	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1460	21021369	Trần Đức Thành	-910	16,625,000	16,624,090	16,624,090	0
1461	21021370	Nguyễn Đức Thắng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1462	21021371	Nguyễn Đức Thắng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1463	21021372	Vương Ngọc Thiện	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1464	21021373	Nguyễn Gia Thịnh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1465	21021374	Phan Đình Thịnh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1466	21021375	Trà Đức Thịnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1467	21021376	Hoàng Văn Thuận	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1468	21021377	Nguyễn Phú Trọng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1469	21021378	Trần Nam Trung	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1470	21021379	Mai Văn Trường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1471	21021380	Mai Văn Trường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1472	21021381	Nguyễn Đức Trường	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1473	21021382	Trần Tuấn Trường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1474	21021383	Nguyễn Việt Tú	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1475	21021384	Phạm Quang Tú	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1476	21021385	Đinh Thái Tuấn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1477	21021386	Tô Minh Tuấn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1478	21021387	Lê Thanh Tùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1479	21021388	Ngô Thanh Tùng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1480	21021389	Nguyễn Hải Tùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1481	21021390	Nguyễn Thanh Tùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1482	21021391	Phạm Quang Vinh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1483	21021392	Phạm Quang Vinh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1484	21021393	Dương Huy Anh Vũ	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1485	21021394	Lê Hội Vượng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1486	21021395	Trần Thị Hoàng Yến	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1487	21021671	Bùi Bảo Tín	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1488	21020041	Phan Hữu An	-47,910	11,067,500	11,019,590	11,019,590	0
1489	21020042	Tạ Quang Chiến	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1490	21020043	Nguyễn Việt Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1491	21020044	Trần Hữu Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1492	21020045	Đặng Quang Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1493	21020046	Ngô Đức Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1494	21020047	Nguyễn Xuân Long	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1495	21020048	Trần Đình Trường Luân	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1496	21020049	Đinh Thị Trà My	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,600,000	-22,910
1497	21020050	Bùi Minh Thành	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1498	21020103	Hoàng Đức Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1499	21020104	Khương Vũ Trâm Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1500	21020105	Nguyễn Lê Tùng Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1501	21020106	Vũ Quý Đạt	-910	16,625,000	16,624,090	16,624,090	0
1502	21020107	Nguyễn Quý Hoàng	-705,910	16,625,000	15,919,090		15,919,090
1503	21020108	Vũ Việt Khánh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1504	21020109	Nguyễn Tuấn Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1505	21020110	Nguyễn Hải Nam	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,600,000	-22,910
1506	21020111	Đoàn Văn Nguyên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1507	21020112	Nguyễn Thanh Sơn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1508	21020113	Phạm Ngọc Thạch	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1509	21020114	Bùi Thành Vinh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1510	21020159	Phan Quốc An	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1511	21020160	Đỗ Quang Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1512	21020161	Giáp Hoàng Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1513	21020162	Hoàng Việt Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1514	21020163	Lê Nam Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1515	21020164	Ngô Tuấn Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1516	21020165	Nguyễn Hà Hoàng Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1517	21020166	Nguyễn Thạch Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1518	21020167	Trần Thị Vân Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1519	21020168	Vũ Việt Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1520	21020169	Nguyễn Hoàng Bách	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1521	21020170	Trần Ngọc Bách	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1522	21020171	Lê Văn Bảo	-705,910	16,625,000	15,919,090	16,000,000	-80,910
1523	21020172	Lê Huy Bình	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1524	21020173	Nguyễn Viết Cường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1525	21020174	Lê Ngọc Minh Châu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1526	21020175	Nguyễn Duy Chiến	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1527	21020176	Phạm Trung Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1528	21020178	Nguyễn Anh Duy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1529	21020179	Phạm Vũ Duy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1530	21020180	Đinh Thái Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,900	-810
1531	21020181	Nguyễn Đức Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1532	21020182	Nguyễn Hoàng Tùng Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1533	21020183	Nguyễn Tiến Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1534	21020184	Trần Huy Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1535	21020185	Đặng Hải Đăng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1536	21020187	Phạm Anh Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1537	21020188	Phan Tài Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1538	21020189	Hoàng Thị Thu Hà	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1539	21020190	Mai Thanh Hà	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1540	21020191	Bùi Đức Hải	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1541	21020192	Đỗ Lý Minh Hải	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1542	21020193	Nguyễn Công Minh Hải	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1543	21020194	Vũ Quang Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1544	21020195	Vũ Trường Hải	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1545	21020196	Lương Nhật Hào	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1546	21020197	Đinh Xuân Hiền	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,600,000	-22,910
1547	21020198	Vũ Minh Hiển	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1548	21020199	Trịnh Đức Hiệp	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1549	21020200	Phí Minh Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1550	21020201	Trần Phương Hoa	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,900	-810
1551	21020202	Phạm Việt Hồng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1552	21020203	Bùi Tấn Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1553	21020204	Nguyễn Quang Huy	-27,910	16,625,000	16,597,090		16,597,090
1554	21020205	Nguyễn Tuấn Hưng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1555	21020206	Vũ Hoàng Hưng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1556	21020207	Đoàn Đức Kiên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1557	21020209	Trần Phạm Lâm Khánh	-9,717,910	16,625,000	6,907,090	6,907,090	0
1558	21020210	Hồ Xuân Khoa	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1559	21020211	Trịnh Minh Khôi	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1560	21020212	Nguyễn Tùng Lâm	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1561	21020214	Trần Phương Linh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1562	21020215	Vũ Đức Long	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1563	21020216	Nguyễn Tuấn Lộc	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1564	21020217	Nguyễn Khánh Ly	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1565	21020218	Chung Hoàng Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1566	21020219	Dương Quang Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1567	21020220	Đoàn Ngọc Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1568	21020222	Nguyễn Đức Nam	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,600,000	-22,910
1569	21020223	Nguyễn Hải Nam	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1570	21020224	Nguyễn Thị Minh Ngọc	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1571	21020225	Đinh Văn Khôi Nguyên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1572	21020226	Lại Vũ Thu Nguyệt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1573	21020227	Bùi Yến Nhi	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1574	21020228	Nguyễn Duy Phúc	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1575	21020229	Hoàng Thái Quang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1576	21020230	Nguyễn Minh Quang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1577	21020231	Đoàn Minh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1578	21020232	Hoàng Minh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1579	21020233	Hoàng Minh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1580	21020234	Trần Ngọc Anh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1581	21020235	Nguyễn Bá Quyết	0	16,625,000	16,625,000	17,530,000	-905,000
1582	21020236	Lê Danh Sơn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1583	21020237	Nguyễn Ngọc Tuấn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1584	21020238	Hoàng Trọng Tùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1585	21020239	Phạm Văn Thạch	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1586	21020240	Đỗ Minh Thái	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1587	21020241	Nguyễn Cao Thanh	-705,910	16,625,000	15,919,090	15,919,090	0
1588	21020242	Lý Công Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1589	21020243	Nguyễn Hữu Thành	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1590	21020244	Trần Hữu Thành	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1591	21020245	Lại Đức Thắng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1592	21020246	Trần Chiến Thắng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1593	21020247	Nguyễn Văn Thuyên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1594	21020248	Phạm Thu Trang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1595	21020249	Tống Minh Trí	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1596	21020250	Nguyễn Văn Trường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1597	21020251	Trần Hoàng Vũ	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1598	21020266	Đặng Thái Hà	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1599	21020267	Nguyễn Nam Khánh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1600	21020270	Nguyễn Tuấn Tài	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1601	21020460	Vũ Bảo Châu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1602	21020461	Đặng Sỹ Duy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1603	21020462	Phùng Thành Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1604	21020463	Trần Thị Trà Giang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1605	21020464	Phạm Minh Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1606	21020465	Phạm Việt Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1607	21020466	Đặng Vũ Quỳnh Hương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1608	21020467	Nguyễn Thị Thúy Hường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1609	21020468	Nguyễn Hồng Lĩnh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1610	21020469	Nguyễn Đức Lộc	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1611	21020470	Phạm Lê Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1612	21020471	Trần Quang Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1613	21020472	Đào Xuân Nghĩa	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1614	21020473	Phạm Tuấn Nghĩa	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1615	21020474	Phùng Viết Phú	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1616	21020475	Lê Ngọc Nhật Tân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1617	21020476	Lưu Văn Đức Thiệu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1618	21020477	Đào Thị Kim Thịnh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1619	21020478	Lã Thị Thanh Thúy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,600,000	-22,910
1620	21020509	Đỗ Châu Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1621	21020510	Nguyễn Mai Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1622	21020511	Trần Nam Dân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1623	21020512	Mai Ngọc Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1624	21020513	Phạm Quý Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1625	21020514	Nguyễn Mạnh Đức	0	16,625,000	16,625,000	17,530,000	-905,000
1626	21020515	Nguyễn Thảo Hiền	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1627	21020516	Phạm Đức Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1628	21020517	Nghiêm Minh Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1629	21020518	Hoàng Mạnh Hùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1630	21020519	Bùi Đức Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1631	21020520	Nguyễn Tuấn Hưng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1632	21020521	Nguyễn Việt Khánh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1633	21020522	Hoàng Hùng Mạnh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1634	21020524	Vũ Nhật Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1635	21020525	Bùi Trần Hải Nam	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1636	21020526	Nguyễn Bình Nguyên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1637	21020527	Nguyễn Vũ Anh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1638	21020528	Phạm Đàm Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1639	21020529	Trần Trọng Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1640	21020530	Nguyễn Hoàng Thọ	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1641	21020560	Lê Quý Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1642	21020602	Đào Quý An	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1643	21020603	Dương Hoàng Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1644	21020604	Lê Huy Tuấn Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1645	21020605	Phùng Minh Tuấn Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1646	21020606	Trần Đức Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1647	21020607	Phạm Hoàng Ân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1648	21020608	Lê Trọng Bảo	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1649	21020609	Nguyễn Ngọc Bảo	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1650	21020610	Nguyễn Lê Hải Châu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1651	21020611	Đỗ Mạnh Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1652	21020612	Nguyễn Huy Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1653	21020613	Phạm Đức Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1654	21020614	Phạm Hoàng Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1655	21020615	Võ Tín Dư	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1656	21020616	Đỗ ánh Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1657	21020617	Hoàng Quốc Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1658	21020618	Nguyễn Tất Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1659	21020620	Ngô Minh Đức	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1660	21020621	Lê Hoàng Minh Hà	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1661	21020622	Đình Minh Hải	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1662	21020623	Nguyễn Đức Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,700,000	-75,000
1663	21020624	Nguyễn Long Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1664	21020625	Đoàn Khánh Hiển	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1665	21020626	Nguyễn Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1666	21020627	Nguyễn Trung Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1667	21020628	Doãn Minh Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1668	21020629	Nguyễn Mạnh Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,675,000	-97,910
1669	21020630	Phạm Huy Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1670	21020631	Trần Bá Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1671	21020632	Vũ Việt Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1672	21020633	Nguyễn Quang Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1673	21020634	Lê Bùi Nguyên Hưng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1674	21020635	Phan Việt Hưng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1675	21020636	Đinh Trung Kiên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1676	21020637	Hoàng Trung Kiên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1677	21020638	Nguyễn Minh Kiên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1678	21020639	Phùng Chí Kiên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1679	21020640	Đoàn Bùi Nhật Khánh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1680	21020641	Mạc Gia Khánh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1681	21020642	Lê Văn Khoa	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1682	21020643	Nguyễn Bảo Lâm	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1683	21020644	Lê Viết Việt Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1684	21020645	Trịnh Thái Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1685	21020646	Đoàn Ngọc Long	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1686	21020647	Vũ Thành Long	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,100	-10
1687	21020648	Hoàng Đức Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1688	21020649	Lê Vũ Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1689	21020650	Nguyễn Cao Đức Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1690	21020651	Phạm Nhật Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1691	21020652	Tống Đức Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1692	21020654	Võ Kim Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1693	21020655	Nguyễn Hữu Nam	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1694	21020656	Nguyễn Diệu Nhật	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,575,990	1,100
1695	21020657	Phan Minh Phong	-705,910	16,625,000	15,919,090	15,919,090	0
1696	21020658	Đoàn Vũ Quang Phú	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1697	21020659	Trần Quang Phúc	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1698	21020660	Nguyễn Công Tuấn Phương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1699	21020661	Phạm Minh Quang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1700	21020662	Lê Bùi Sơn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1701	21020663	Lê Quang Tuấn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1702	21020664	Vũ Minh Tuấn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1703	21020665	Nguyễn Đức Thành	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1704	21020666	Nguyễn Trọng Thành	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1705	21020667	Nguyễn Vũ Minh Thành	-910	16,625,000	16,624,090	16,625,090	-1,000
1706	21020668	Nguyễn Hương Thảo	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1707	21020669	Đinh Bách Thành Trung	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1708	21020670	Lê Đức Trung	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1709	21020671	Trần Lê Thành Trung	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1710	21020672	Trần Hạnh Uyên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1711	21020673	Nguyễn Thành Vinh	-247,910	13,846,250	13,598,340	13,598,340	0
1712	21020674	Chu Ngọc Vượng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1713	21020738	Hoàng Phi Hùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,100	-10
1714	21021452	Nguyễn Văn An	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1715	21021453	Hà Tùng Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1716	21021454	Ngô Quý Bảo	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1717	21021455	Nguyễn Tiến Bắc	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1718	21021456	Hồ Thị Thanh Bình	-910	16,625,000	16,624,090	16,625,000	-910
1719	21021457	Nguyễn Lê Linh Chi	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1720	21021458	Lê Quang Chính	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1721	21021459	Đỗ Minh Cường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1722	21021460	Quách Mạnh Cường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1723	21021461	Nguyễn Văn Doanh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1724	21021462	Bùi Anh Dũng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1725	21021463	Đỗ Tiến Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1726	21021464	Hồ Xuân Dũng	-910	16,625,000	16,624,090	16,624,090	0
1727	21021465	Hà Mạnh Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1728	21021466	Lương Đình Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1729	21021467	Nguyễn Hoàng Anh Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1730	21021468	Nguyễn Khánh Duy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1731	21021469	Vũ Hoàng Duy	-910	16,625,000	16,624,090	16,625,000	-910
1732	21021470	Đồng Văn Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1733	21021471	Nguyễn Đức Dương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1734	21021472	Nguyễn Văn Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1735	21021473	Phạm Tùng Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1736	21021474	Nguyễn Hải Đan	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1737	21021475	Đỗ Thành Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1738	21021476	Nguyễn Đình Thành Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1739	21021477	Trịnh Xuân Đạt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1740	21021478	Nguyễn Khoa Đăng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1741	21021479	Vũ Hải Đăng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1742	21021480	Lê Hồng Đức	-910	16,625,000	16,624,090	16,624,090	0
1743	21021481	Phan Anh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1744	21021482	Phạm Minh Đức	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1745	21021483	Trần Minh Đức	-910	16,625,000	16,624,090	16,625,000	-910
1746	21021484	Tạ Hoàng Giang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1747	21021485	Trương Quỳnh Giang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1748	21021486	Vũ Trường Giang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1749	21021487	Nguyễn Văn Hải	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1750	21021488	Nguyễn Vinh Hiển	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1751	21021489	Cao Chí Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1752	21021490	Cao Trung Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1753	21021491	Ngô Thượng Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1754	21021492	Nguyễn Trung Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1755	21021493	Nguyễn Trung Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1756	21021494	Trần Minh Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1757	21021495	Trịnh Khải Hoàn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1758	21021496	Đinh Nho Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1759	21021498	Trịnh Xuân Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1760	21021499	Võ Huy Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1761	21021500	Nguyễn Tiến Huân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1762	21021501	Nguyễn Văn Huân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1763	21021502	Lê Mạnh Hùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1764	21021503	Nguyễn Phan Hùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1765	21021504	Nguyễn Văn Hùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1766	21021505	Nguyễn Việt Hùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1767	21021506	Lương Sỹ Khánh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1768	21021507	Nguyễn Thế Khôi	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1769	21021508	Đinh Quang Khương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1770	21021509	Nguyễn Khắc Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1771	21021510	Nguyễn Tuấn Kiên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1772	21021511	Phạm Trung Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1773	21021512	Ngô Danh Lam	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1774	21021513	Nguyễn Duy Linh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1775	21021514	Dương Bảo Long	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1776	21021515	Vũ Hoàng Long	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,600,000	-22,910
1777	21021516	Nguyễn Công Mạnh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1778	21021517	Hoàng Tuấn Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1779	21021518	Nguyễn Công Tuấn Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1780	21021519	Nguyễn Ngọc Minh	-910	16,625,000	16,624,090	16,624,090	0
1781	21021520	Trần Đức Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1782	21021521	Vũ Đại Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1783	21021522	Nguyễn Danh Nghĩa	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1784	21021523	Nguyễn Hiếu Nghĩa	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1785	21021524	Hà Quang Nhuệ	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1786	21021525	Nguyễn Đắc Phong	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1787	21021526	Nguyễn Minh Phong	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1788	21021527	Ngô Trần Anh Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1789	21021528	Bùi Minh Quang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1790	21021529	Hoàng Minh Quang	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1791	21021530	Lê Đức Quang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1792	21021531	Lê Thế Quang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1793	21021532	Phạm Minh Quang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1794	21021533	Hoàng Minh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1795	21021534	Nguyễn Minh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1796	21021535	Nguyễn Minh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1797	21021536	Trần Minh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1798	21021537	Hà Nguyễn Anh Sơn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1799	21021538	Nguyễn Anh Sơn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,100	-10
1800	21021539	Nguyễn Phúc Sơn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1801	21021540	Cao Thị Minh Tâm	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1802	21021541	Lê Tiến Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1803	21021542	Nguyễn Tiến Thành	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1804	21021543	Nguyễn Việt Thành	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1805	21021544	Hoàng Minh Thắng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1806	21021545	Đỗ Thị Trang	-910	16,625,000	16,624,090	16,624,090	0
1807	21021546	Nguyễn Đức Trọng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1808	21021547	Nguyễn Hữu Trọng	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1809	21021548	Phạm Đức Trung	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1810	21021549	Hoàng Quốc Tuấn	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1811	21021550	Trần Đức Việt	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1812	21020252	Đặng Tuấn Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,677,000	-99,910
1813	21020253	Bùi Khương Duy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1814	21020254	Nguyễn Trung Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1815	21020255	Hồ Tiến Mạnh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1816	21020256	Đỗ Trung Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1817	21020257	Vũ Nhật Minh	-910	16,625,000	16,624,090	16,625,000	-910
1818	21020258	Nguyễn Hoàng Trung	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1819	21020532	Nguyễn Minh Quang Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1820	21020675	Bùi Đỗ Nhật Nam Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1821	21020676	Đỗ Duy Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1822	21020677	Nguyễn Đức Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1823	21020678	Phạm Hải Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1824	21020679	Nguyễn Tùng Bách	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1825	21020680	Nguyễn Mạnh Cường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1826	21020681	Hồ Thiên Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1827	21020683	Trương Nguyễn Hoàng Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1828	21020684	Đỗ Minh Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1829	21020685	Nguyễn Đình Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1830	21020686	Lê Tô Hiệu	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1831	21020687	Nguyễn Mạnh Hùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1832	21020688	Đỗ Huy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1833	21020689	Vũ Hoàng Trung Kiên	-910	16,625,000	16,624,090	16,624,090	0
1834	21020690	Ngạc Anh Kiệt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1835	21020691	Phạm Lê Kim	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1836	21020692	Nguyễn Thế Khang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1837	21020693	Hoàng Gia Khánh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1838	21020694	Phạm Cảnh Khuê	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1839	21020695	Nguyễn Đình Lâm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1840	21020696	Hoàng Nhật Minh	-247,910	11,067,500	10,819,590	10,819,590	0
1841	21020697	Nguyễn Công Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1842	21020698	Nguyễn Đức Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1843	21020699	Trần Hà Thảo Nguyên	-47,910	11,067,500	11,019,590	11,019,590	0
1844	21020700	Nguyễn Quang Nhật	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1845	21020701	Nguyễn Phong	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1846	21020702	Lê Minh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1847	21020703	Nguyễn Khánh Sơn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1848	21020704	Nguyễn Phan Nam Sơn	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1849	21020705	Vũ Đức Tâm	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1850	21020707	Dương Đình Thắng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1851	21020710	Nguyễn Thành Vinh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1852	21020711	Trương Quang Vinh	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1853	21020726	Nguyễn Quốc Cường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,667,000	-89,910
1854	21020727	Nguyễn Mai Chi	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1855	21020728	Hồ Xuân Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,597,000	-19,910
1856	21020729	Nguyễn Hải Đăng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1857	21020730	Nguyễn Thùy Linh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1858	21020731	Cao Nhật Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1859	21020732	Ngô Quang Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1860	21020733	Nguyễn Siêu Phong	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1861	21020734	Nguyễn Anh Tuấn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1862	21020735	Nguyễn Anh Tuấn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1863	21020736	Tô Thanh Tùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1864	21020737	Đặng Thị Thu Uyên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1865	21021551	Phạm Đức An	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1866	21021552	Bùi Duy Hoàng Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1867	21021553	Bùi Đức Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1868	21021554	Cấn Huy Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1869	21021555	Hoàng Đức Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1870	21021556	Nguyễn Ngọc Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1871	21021557	Nguyễn Phương Anh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1872	21021558	Nguyễn Thế Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1873	21021559	Phạm Việt Anh	0	16,625,000	16,625,000	17,530,000	-905,000
1874	21021560	Trần Ngọc Anh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1875	21021561	Lê Đức Au	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1876	21021562	Đỗ Đức Bảo	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1877	21021563	Hà Lê Hoàng Bảo	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1878	21021564	Phạm Duy Chiến	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1879	21021565	Đặng Văn Cường	-47,910	16,625,000	16,577,090	17,580,000	-1,002,910
1880	21021566	Vương Quốc Cường	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1881	21021567	Nghiêm Quang Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1882	21021568	Nguyễn Tiến Dũng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,600,000	-22,910
1883	21021569	Đặng Nguyễn Nguyên Duy	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1884	21021570	Lê Phương Duy	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1885	21021571	Nguyễn Gia Duy	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1886	21021573	Nguyễn Tùng Dương	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1887	21021574	Phạm Tiến Đạt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1888	21021575	Đỗ Trọng Đoàn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1889	21021576	Đinh Quang Đức	-247,910	13,846,250	13,598,340	13,598,340	0
1890	21021577	Vũ Trung Đức	-910	16,625,000	16,624,090	16,625,000	-910
1891	21021578	Hoàng Thanh Hải	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1892	21021579	Phạm Minh Hải	0	16,625,000	16,625,000	16,250,000	375,000
1893	21021580	Phạm Thu Hằng	-910	16,625,000	16,624,090	16,625,000	-910
1894	21021581	Nguyễn Tiến Hiệp	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1895	21021582	Nguyễn Văn Hiệp	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1896	21021583	Tạ Hoàng Hiệp	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1897	21021584	Bùi Minh Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1898	21021585	Đinh Viết Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1899	21021586	Nguyễn Xương Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1900	21021587	Phạm Minh Hiếu	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1901	21021588	Trần Trung Hiếu	0	16,625,000	16,625,000	17,500,000	-875,000
1902	21021589	Nguyễn Thị Thanh Hòa	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1903	21021590	Nguyễn Đình Hoàn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1904	21021591	Nguyễn Minh Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1905	21021592	Trần Minh Hoàng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1906	21021593	Trần Hoàng Huân	0	16,625,000	16,625,000		16,625,000
1907	21021594	Đỗ Bình Gia Huy	-910	16,625,000	16,624,090	16,625,000	-910
1908	21021595	Hoàng Đức Huy	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1909	21021596	Hoàng Quang Huy	-910	16,625,000	16,624,090	16,624,090	0
1910	21021597	Lê Văn Huỳnh	-200,910	13,846,250	13,645,340	13,646,000	-660
1911	21021598	Nguyễn Hữu Hưng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1912	21021599	Lê Mạnh Kha	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1913	21021600	Lương Quốc Khánh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1914	21021601	Chu Trung Kiên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1915	21021602	Lê Trung Kiên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1916	21021603	Nguyễn Khắc Kiên	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1917	21021604	Vũ Đức Kiên	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1918	21021605	Đinh Tùng Lâm	-910	16,625,000	16,624,090	16,624,090	0
1919	21021606	Trần Tuấn Linh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,600,000	-22,910
1920	21021607	Cao Việt Long	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1921	21021608	Nguyễn Đức Thành Long	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1922	21021609	Trịnh Lê Hoàng Long	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1923	21021611	Đỗ Công Luận	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1924	21021612	Trương Hoàng Mạnh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1925	21021613	Cao Duy Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1926	21021614	La Nhật Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1927	21021615	Lê Tấn Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1928	21021616	Trương Quang Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1929	21021617	Vũ Quang Minh	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1930	21021618	Vương Hoàng Minh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1931	21021619	Vũ Đình Nam	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1932	21021620	Lê Trọng Nghĩa	-910	11,067,500	11,066,590	11,066,590	0
1933	21021621	Vũ Văn Nghĩa	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1934	21021622	Vũ Phương Nhi	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1935	21021623	Lê Tấn Phát	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1936	21021624	Nguyễn Đức Phú	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1937	21021625	Trịnh Đắc Phú	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1938	21021626	Nguyễn Minh Phúc	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,625,000	-47,910
1939	21021627	Hồ Duy Phương	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1940	21021628	Nguyễn Ngọc Quang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1941	21021629	Tống Nhật Quang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1942	21021630	Nguyễn Anh Quân	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1943	21021631	Bùi Quý Sang	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1944	21021632	Trần Thị Ngọc Tâm	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1945	21021633	Vũ Cao Thạch	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp
1946	21021634	Phạm Quốc Thái	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1947	21021635	Nguyễn Hữu Thành	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1948	21021636	Nguyễn Phú Thành	0	16,625,000	16,625,000	16,625,000	0
1949	21021637	Phạm Lê Đức Thành	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1950	21021638	Phạm Minh Thắng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1951	21021639	Nguyễn Quang Thịnh	-910	16,625,000	16,624,090	16,625,000	-910
1952	21021640	Nguyễn Thành Trung	0	16,625,000	16,625,000	17,500,000	-875,000
1953	21021642	Nguyễn Anh Tuấn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1954	21021643	Nguyễn Bá Tuấn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1955	21021644	Nguyễn Quốc Tuấn	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1956	21021645	Mai Thanh Tùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1957	21021646	Nguyễn Thanh Tùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,578,000	-910
1958	21021647	Đào Lê Khang Uyn	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1959	21021648	Nguyễn Sĩ Việt	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,580,000	-2,910
1960	21021649	Dương Nguyễn Gia Vinh	-47,910	16,625,000	16,577,090		16,577,090
1961	21021650	Nguyễn Đình Quang Vinh	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,000	90
1962	21021651	Nguyễn Tất Anh Vũ	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1963	21021652	Trịnh Long Vũ	-910	16,625,000	16,624,090	16,624,090	0
1964	21021653	Vũ Đức Vượng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0
1965	21020740	Trương Hoàng Tùng	-47,910	16,625,000	16,577,090	16,577,090	0

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 1/21-22	Tổng phải nộp	DL thu từ NH	Chưa nộp